

Minh Lý Đạo
TAM TÔNG MIẾU
BÌNH ĐẰNG – CỘNG TÁC – HOÀ ÁI

CHÂU DỊCH XIÊN CHƠN

TÊ-PHÁC TÁN-NHƠN NGỘ NGUƠN TỬ,
LƯU-NHÚT-MINH Ở NÚI THÊ-VÂN THUẬT

NGUYỄN MINH THIỆN
Việt dịch 1963

Ấn bản 2007

CHÂU DỊCH

XIÊN CHƠN

TỰA

Của Dịch giả

* * *

Châu Dịch là cuốn kinh do ba vị Thánh-nhơn trào nhà Châu trú tác. Chẳng phải ba vị cùng viết một lượt, – vì ba vị chẳng phải đồng thời – mà đời này sang đời nọ, cuốn kinh ấy lần lần đặng bổ túc cho đến hoàn mãn. Ba vị Thánh nhơn này là: Văn Vương, Châu Công và Khổng Tử.

Các Ngài lấy tám quẻ chiếc của vua Phục Hy mà chồng lên, hai quẻ chiếc làm một quẻ đôi, thành ra có 64 quẻ (8 x 8). Mỗi quẻ có 6 hào thành ra có 384 hào (6 x 64). Mỗi quẻ nói về đại tượng, luận về phần chung (tổng quát). Còn mỗi hào nói về tiểu tiết, chỉ mỗi trường hợp riêng (đặc biệt).

Lúc vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, xét vì Châu Dịch là sách bác-phệ, nên nhà vua truyền lệnh không cho đốt sách này, nhờ đó mà nó đặng tồn tại đến ngày nay. Cho nên trong ngũ kinh, chỉ có cuốn Châu Dịch là đặng giữ trọn đủ mà thôi.

Ông Ngô Nguơn Đạo, nhân dựa vào sách Châu Dịch nói trên, mà làm ra cuốn “Châu Dịch Xiển Chơn” này. Chánh văn thì giống, mà lời giải thích thì rờng thuộc về đạo Kim-đơn.

Kim đơn nghĩa là gì? Xin xem hài thơ sau này thì rõ Kim-đơn là bôn-tánh, chớ không phải có nghĩa là thuốc trường sanh, hễ uống vào thì sống vĩnh viễn, theo như phần thiên hạ lầm tưởng.

Bài thơ chữ Hán:

Tiên-thiên bôn-tánh thị Kim-đơn
Bát quái lư trung luyện tác hoàn.
Cử thể mê đồ tầm ngoại dược,
Thân xan, vọng tưởng thượng vân đoàn.

Dịch ra tiếng Việt:

Bôn-tánh tiên-thiên ấy gọi đơn,
Trong lò bát quái luyện thành huờn.
Trong mê tìm thuốc ngoài thân thể.
Vừa uống tưởng đâu mây đở chơn.

Lại có một bài khác:

*Bôn-lai chơn-tánh hiệu Kim-đơn,
Tứ đại vi lư, luyện tác đoàn.
Ngô chi giả, lập tề thánh-vức,
Mê chi giả, vạn kiếp trầm luân.*

Dịch:

Bôn-lai chơn-tánh gọi Kim-đơn,
Tứ đại làm lò, luyện hiệp huờn
Kẻ hiểu tức thì về thánh-vức,
Người mê muôn kiếp chịu trầm luân.

Ông Ngô Nguơn Đạo bình sanh có trí thuật mấy quyển “Tam Dịch Chú Lược”, nhờ ông Dương Phương Xán đề tựa để truyền bá trong dân gian. Rồi lại thêm xuất bản cuốn: “Châu Dịch Xiển Chơn” này, cũng yêu cầu ông ấy đề tựa nói về lý-do cuốn này ra đời.

Nguyên đạo nhơn là người đã sớm từ thuở thanh niên, chuyên cần học Đạo-thơ, sau gặp ông Khâm Cốc lão nhơn giải thêm gốc nguồn tà chánh, lại nhờ Tiên-Lưu Trượng chỉ

rõ chơn-ngôn bí-diệu và cho biết: Đơn-Đạo tức là Dịch Đạo, Thánh-Đạo tức là Tiên-Đạo.

Kinh Dịch không phải là sách bói (bốc phê), hay là kinh cúng dường để cầu phước trừ họa (kinh luyện độ). Kinh Dịch thiết là sách dạy học: “Cùng lý, tận tánh, dĩ chí u mạng”. Mà lý, tánh, mạng cũng đồng một bản-thể (nhứt nguyên), nhưng khi nó ở tại vật thì gọi là Lý, ở nơi người thì gọi là Tánh, ở trên trời thì gọi là Mạng.

Sau khi xem sách Tham Đồng Khế của ông Ngụy Bá Dương, ông bổ túc thêm những chỗ còn thiếu sót, tham cứu những lý tốt cùng uân áo, bày giải các phép đã đặng kinh nghiệm, ngõ hầu qui hết về một gốc Đạo.

Lời ông rất gọn, mà nghĩa rộng rãi; câu văn tuy cạn, mà ý-chỉ sâu xa, rất có công về tánh Mạng học. Thiết đạo-nhơn mới phải là người thông hiểu được kinh Dịch!

Kinh “Châu Dịch Xiển Chơn” có hai cuốn: Cuốn thượng luận về Kim-Đơn Đại Đạo là phần tổng quát, chia ra 12 chương: Hà-Đồ, Lạc-thơ, Đồ-thơ hiệp nhứt, v.v... (coi mục lục). Còn cuốn hạ giải nghĩa từng quẻ, từng hào, đó là luận về phần chi-tiết.

Nay tôi xin phiên dịch cuốn thượng, để cầu các bậc cao-minh chỉ giáo thêm cho. nếu sau có đủ phương-tiện, tôi sẽ cho in tiếp cuốn hạ, cho đủ bộ sách “Châu Dịch Xiển Chơn”.

Người phiên dịch
NGUYỄN MINH THIÊN

Sàigòn ngày 15 tháng 5 Quý-Mẹo
(5 Juillet 1963)

DỊCH LÝ XIỂN CHƠN

TỰA

Các Đơn-kinh bắt đầu trích tác từ ông Ngụy Bá Dương chơn-nhơn ở đời hậu Hán.

Khi chơn-nhơn thành Đạo rồi, Ngài thương kẻ thế học Đạo bị bàng-môn tà thuyết mê hoặc, chẳng rõ được Đại Đạo của Thánh Hiền, thành ra luống mất một đời sống, tới già không làm chi nên việc.

Cho nên Ngài mới dựa theo lý kinh Dịch mà làm ra cuốn “Tham Đồng Khế”, để chỉ cái gốc ngọn (dịch sát là nguồn và dòng) của tánh mạng, sự chơn giả của âm dương, phép tắc tu trì, thứ tự công phu, mượn vật làm tượng trưng (để chỉ lý không hình), mới có tí dụ rất nhiều.

Ngài gọi: Tánh mạng,
Âm dương,
Cang nhu (cứng, mềm),
là Dược vật (vị thuốc)
gọi: Thứ tự công phu tu trì,
là Hỏa-hậu (thời biểu dùng lửa)
gọi: Công phu tu trì đứng đắn,
là Hạ luyện (đốt rèn)

gọi: Tu tinh-tiến mạnh mẽ,
là Võ hỏa;
gọi: Tu thung dung lần tới ,
là Văn hỏa,
Ngài gọi: Âm dương cang nhu đặng trung chánh,
là Kiết đơn;
gọi: Âm dương hỗn hiệp mà thành, Cang
nhu trọn hóa làm một
là Đơn thực (thuốc chín);
gọi: Không tiếng, không hơi, Nguơn-thần
biến hóa không lường,
là Thoát đơn.

Chỗ ngụ ý của Ngài cũng như trong kinh Châu Dịch là xét nghĩ hình dung của mỗi việc, mà vẽ ra hình tượng, để thấy trước mắt, mới có tên Kim-đơn, có thuyết Luyện-đơn, có lý tu trì tánh mạng. Cuốn Tham Đông Khế ra đời dạy rõ và đủ mỗi việc, tiết lộ hết Thiên-cơ.

Chư vị Tiên-chơn thành Đạo sau này đều noi theo tỉ dụ, tượng trưng trong cuốn Tham Đông, mà mỗi người làm ra Đơn-kinh, phát minh những chỗ mà cuốn Tham Đông chưa phát, chỗ rành càng thêm rành, chỗ rõ càng thêm rõ. Cho nên cái lý tánh mạng chẳng còn chỗ nào úp mở nữa

Mà dường như kinh sách ra càng nhiều, thì con người càng thêm lầm lạc! Kê sau học Đạo chẳng đặng chơn-truyền, bèn cho các tỉ-dụ, các tượng-trưng đó làm chơn-thiết:

**Hoặc lấy Khảm Ly làm tâm thận,
Hoặc lấy Chấn Đoài làm gan phổi,**

**Hoặc lấy quẻ Truân, quẻ Mông làm tí ngo bót
thêm,
Hoặc lấy quẻ Phục, quẻ Cấu làm tâm thận khí
sanh,
Hoặc lấy quẻ Thủy-Hỏa ký-tế làm tâm thận giao
hiệp.**

Đến nỗi họ :

**tướng Âm, Dương là con trai, con gái,
tướng Ta, Nó là thể chiến (dâm dục),
tướng Hạ luyện là lò lửa,
tướng Kim-đơn là thuốc uống,
tướng Hữu-vi là vận chuyển,
tướng Vô-vi là ngồi không,**

thì quả là họ nhìn lầm vật hậu-thiên có hình, có dạng, mà không hiểu cái chơn tiên-thiên không hình, không dạng, thành một người đui dẫn hết cả đám đui, chôn mắt cái bà-tâm độ thế của Thánh Hiền xưa kia.

Ta từ thuở thanh-niên, đã biết cái đại-sự nhân duyên này, để ý tham khảo, thì những người trong phái Phật, phái Tiên mà ta đã gặp, nghị luận không ra ngoài mấy hàng nói trên đó.

Lúc ấy ta cũng nhận như vậy, nào dám bài bác ai. Sau gặp Khâm Cốc Lão Nhơn mới rõ tà chánh; lại gặp Tiên Lưu Trương Nhơn mới hết ngờ vực. Ta mới biết Đơn-đạo tức là Dịch đạo, Thánh-đạo tức là Tiên-đạo.

Kinh Dịch chẳng phải là sách bói khoa, ấy là môn học cùng lý, tận tánh, chí mạng.

Ta chẳng riêng dùng một mình, cho nên khi giải nghĩa sơ ba thứ kinh Dịch rồi, bèn thể theo ý của hai vị tôn-sư, mà thuật cái ý của ông Bá Dương, đem hết phép tu đơn, ẩn ngụ

trong các bảng đồ, các quẻ của Châu Dịch hệ từ, bớt tỉ dụ, tượng-trung, mà chỉ rành nghĩa thiệt, bỏ lời cao kỳ, mà chỉ dùng câu văn thông thường, để chỉ ngay cho người ta biết:

**Cái gì là Dục-vật,
Cái gì là Hỏa-hậu,
Cái gì là Tiến dương,
Cái gì là Thối âm,
Cái gì là Hạ thủ,
Cái gì là Chỉ túc,
Cái gì là Hạ luyện
Cái gì là Ôn dưỡng,
Cái gì là Kiết đơn,
Cái gì là Thoát đơn,
Cái gì là Tiên thiên,
Cái gì là Hậu thiên,
Cái gì là Hữu vi,
Cái gì là Vô vi,
Cái gì là Nghịch vận,
Cái gì là Thuận hành.**

Lấy tượng trung trong các đồ, các quẻ, các hào, phân rõ ra làm hai đoạn:

**một là tiến dương,
hai là thối âm,
thừa trên mà khởi dưới,
theo một khí quán thông,**

khiến cho kẻ hậu học dễ bề xem đọc.

Còn nói về sách Thập-Dục, thì chỉ ngay ra cái lý của tiên Thánh, kẻ học giả tự mình có thể tìm biết. Cho nên kỳ dư

ta không chú nghĩa, chỉ giải sơ một ít điều trong Đại Tượng truyện, Tạp Quái truyện, cho đủ tài liệu tham khảo.

Trong đó có nhiều lời trùng phục (lặp đi lặp lại) cũng như trong kinh Châu Dịch có nhiều tượng-trung trùng-phục. Tuy có lời trùng-phục, mà không có ý trùng-phục.

Khi sách viết xong đề hiệu là “**Dịch Lý Xiển Chơn**”, cốt để chỉ rõ cái pháp chơn chánh tu trì tánh mạng.

Vả chẳng kinh Dịch là rộng lắm, là lớn lắm! Kinh ấy nói về chỗ cao xa, không biết đâu là cùng; nói về chỗ cạn gàn thì lặn lẽ mà trung chánh; nói về khoảng giữa Trời Đất thì gồm đủ mọi việc. Cho nên khai vật (thấu lẽ vật lý tự nhiên), thành vụ (giúp việc đến kết quả), thông chí-hướng của thiên hạ, định nghề-nghiệp cho thiên hạ, giải chỗ ngờ vực của thiên hạ, không có chi chẳng bao trùm hết, không có chi mà chẳng gồm có đủ.

Có phải chỉ nói một việc mà thôi đâu. Nhưng về chỗ chung qui của nó, đâu đâu cũng đều lấy: cùng lý, tận tánh, chí mạng, làm môn học.

Xiển chơn nghĩa là: chỉ rõ lẽ chơn

**về phép cùng lý,
về phép tận tánh,
về phép chí mạng,
Trước tìm hiểu trọn lý tánh mạng.
Sau tu cho rồi công phu tánh mạng**

Tánh mạng tu xong, chỉ còn có Thiên-Lý, thì mới thấy được Bản-Lai diện-mục theo nhà:

**Nho thì gọi là “minh thiện phục sơ”.
Đạo thì gọi là “hườn nguyên phản bản”.**

Rồi bắt từ đó mà tu lần tới nữa, là âm dương trọn hóa, không tiếng, không hơi, theo nhà Nho thì gọi là:

“Nghĩa tình nhân thực, chí thành như Thần”;

theo phái Đạo thì gọi là:

“Cửu huồn thất phản, hình thần cu diệu”.

Đến đây đạo Kim-đơn đã trọn, công phu tu tánh mạng cũng hoàn tất.

Cái ý của ta như vậy, cái ý của các vị Tiên-chơn xưa nay cũng như vậy thì cái ý trong sách Tham Đồng của ông Bá Dương cũng không có gì là chẳng phải như vậy.

Đời Đại Thanh, vua Gia Khánh, năm thứ ba, nhằm năm Mậu Ngũ, mùa xuân, tháng giêng, tiết Nguơn Tiêu, Tổ Phác Tán Nhon, Ngộ Nguơn Tử, Lưu Nhứt Minh tự mình đề bài tựa này ở trong hang Tự Tại (Tự Tại oa).

MỤC LỤC

QUYỂN THƯỢNG

1. HÀ-ĐỒ
2. LẠC-THƠ
3. ĐỒ THƠ HIỆP NHỨT
4. TIÊN THIÊN HOÀNH ĐỒ
5. TIÊN THIÊN PHƯƠNG VIÊN ĐỒ
6. VĂN-VƯƠNG HẬU THIÊN BÁT QUÁI
7. TIÊN-HẬU BÁT QUÁI HIỆP NHỨT
8. ĐỒ THƠ TIÊN HẬU-THIÊN HIỆP NHỨT
9. TRUNG ĐỒ
10. KIM ĐƠN ĐỒ
11. ĐẢNH LỰ, DƯỢC-VẬT HỎA-HẬU TOÀN ĐỒ
12. DƯƠNG HỎA, ÂM PHÙ, LỤC ẨM, LỤC DƯƠNG TOÀN ĐỒ

CHÂU DỊCH XIÊN CHƠN

Tổ Phác Tán Nhơn, Ngô Ngươn Tử,
LƯU-NHỨT MINH, NGƯỜI TRUNG-HOA THUẬT
NGUYỄN MINH THIÊN Việt dịch

I. HÀ ĐỒ

Hà Đồ là đạo tự nhiên vô-vi, thuộc về ngũ hành thuận hành.

Đời Phục Hi, có con Long Mã (ngựa rồng) nổi lên tại Mạnh Hà (sông Mạnh).

Trên lưng nó có nhiều điểm:

**hai điểm với bảy điểm phía trước,
một với sáu phía sau,
ba với tám bên trái,
bốn với chín bên mặt,
năm với mười tại giữa.**

Cả thầy năm ngôi, tượng hình¹ ngũ hành:

Một với sáu phía sau, tượng hình Bắc phương nhâm quý thủy;

¹ Tượng hình nghĩa là lấy một hình, một dấu chi, để thay một vật khác không hình (Symboliser).

Hai với bảy phía trước, tượng hình Nam phương bính
đỉnh hỏa;

Ba với tám bên trái, tượng hình Đông phương giáp át
mộc;

Bốn với chín bên mặt, tượng hình Tây phương canh
tân kim;

Năm với mười tại chính giữa, tượng hình Trung ương
mô kỉ thổ;

Năm điểm ở chính giữa, cũng tượng hình Thái-Cực
hàm² tứ tượng³.

Một điểm ở chính giữa, lại cũng tượng hình Thái-Cực
hàm nhưt khí.

Tuy cộng hết 55 điểm mà kỳ thiết là nhị ngũ⁴. Tuy là
nhị ngũ mà kỳ thiết là nhưt ngũ⁵. Tuy là nhưt ngũ là MỘT
điểm⁶ ở chính giữa. Bởi có ngũ hành, nên phân ra năm điểm.
Bởi ngũ hành có âm dương, nên hiệp lại thành mười điểm.
Bởi ngũ hành mỗi thứ đều có âm dương, nên hiệp lại thành
55 điểm.

Khổng truyện nói:

**Thiên nhưt,
Địa nhị,**

² Hàm, nghĩa là ngậm chứa, bao trùm (contenir, envelopper)

³ Tứ tượng cũng là tượng-trung là biểu hiệu, là bốn hình tượng của bốn
phương (Đông, Tây, Nam, Bắc)

Đây là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa.

⁴ Nhị ngũ là hai cái năm, hai thứ ngũ hành: tiên-thiên và hậu-thiên

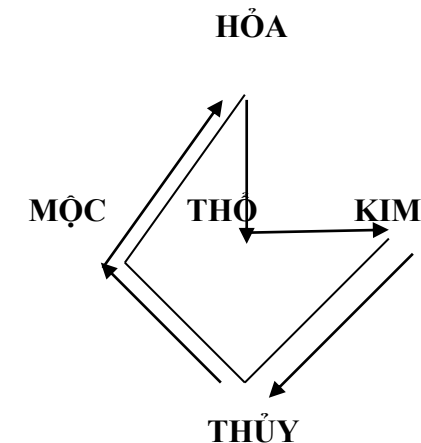
⁵ Nhưt ngũ nghĩ a là một thứ ngũ hành tiên-thiên

⁶ Một nghĩa là một khí

**Thiên tam,
Địa tứ,
Thiên ngũ,
Địa lục,
Thiên thất,
Địa bát,
Thiên cửu,
Địa thập.**

Vì đạo Tạo Hóa của Trời Đất chẳng qua là một cái
dương ngũ hành, một cái âm ngũ hành, một cái sanh, một cái
thành mà thôi. Tuy phân ra ngũ hành, mà kỳ thiết là một âm,
một dương vận dụng cái Đạo. Tuy âm dương vận dụng, mà
kỳ thiết là MỘT khí qua lại vận dụng cái Đạo. Cho nên
tượng hình cái Đạo như vậy.

**Thổ sanh Kim,
Kim sanh Thủy,
Thủy sanh Mộc,
Mộc sanh Hỏa,
Hỏa sanh Thổ
Thổ trở lại sanh Kim.**



Phát ra tại trung ương, rồi trở vào dứt cũng tại trung
ương; ra vào thì chẳng chi khác hơn là MỘT khí, chẳng chi
khác hơn là MỘT trung. Trung này là cái gốc lớn của thiên
hạ, ấy là *thổ cư trung* (đất ở chính giữa), hòa hiệp hết tứ

tượng. Hòa là con đường suốt chung cho thiên hạ, ấy là tứ tượng tại ngoại (chạy ra phía ngoài), chỉ MỘT khí lưu hành. Trung vừa là Hòa vừa là MỘT khí, cả thấy đều là Thái-Cực.

Duy có con người vịn lấy khí âm dương, ngũ hành của Trời Đất mà sanh thân mình, cho nên trong thân mình có đủ khí âm dương, ngũ hành. Nhưng ngũ hành này có tiên-thiên, hậu-thiên. Tiên-thiên ngũ hành thuộc dương, hậu-thiên ngũ hành thuộc âm.

1, 3, 5, 7, 9 là dương ngũ hành, là tiên-thiên.

2, 4, 6, 8, 10 là âm ngũ hành, là hậu-thiên.

Luận về mặt tiên-thiên:

- 1 là nguon-tinh, thuộc thủy, làm nhâm thủy;
- 3 là nguon tánh, thuộc mộc, làm giáp mộc;
- 5 là nguon-khí, thuộc thổ, làm mô thổ;
- 7 là nguon-thần, thuộc hỏa, làm bính hỏa;
- 9 là nguon-tinh, thuộc kim, làm canh kim.

Đó là ngũ-nguon. Hễ ngũ-nguon đủ rồi, thì có ngũ đức ở trong đó. Ngũ đức là:

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Nguon-tinh là thứ tinh chẳng phải tinh, thể của nó thuần túy, phát ra thành trí.

Nguon-thần là thứ thần chẳng phải thần, thể của nó viên thông, phát ra thành lễ.

Nguon-tánh là thứ tánh không có tánh, thể của nó nhu từ (chiều chuộng, hay thương xót), phát ra thành nhân.

Nguon-tinh là thứ tinh không có tinh, thể của nó cang-liệt (cứng cát, ngay thẳng), phát ra thành nghĩa.

Nguon-khí là thứ khí không có khí, thể của nó thuần nhút (ròng là một) phát ra thành tín.

Ngũ nguon là khí của ngũ hành, ngũ đức là tánh của ngũ hành. Ngũ nguon, ngũ đức sanh tại lúc tiên-thiên, ẩn trong khí hậu-thiên.

Đương lúc con người ở trong thai bào hỗn hỗn, độn độn⁷, Một khí hỗn luân⁸, hình tích tuy chưa lộ, mà cái lý của nó sẵn đủ rồi. Chỗ gọi “*Vị sanh xuất*”, nghĩa là chưa sanh ra, như trong họa-đồ ở chính giữa có số 5, năm điểm tụ lại một chỗ là tượng hình Thái-Cực. Cổ-nhơn dạy người phải tìm giữ cái diện-mục⁹ của mình trước khi cha mẹ chưa sanh ra, là trở vào đây. Do bởi việc này xảy ra trước khi sanh thân, nên gọi là tiên-thiên.

Luận về mặt hậu-thiên:

- 2 là thức-thần, thuộc hỏa, làm đỉnh hỏa;
- 4 là qui-phách, thuộc kim, làm tân kim;
- 6 là trực-tinh, thuộc thủy, làm quý thủy;
- 8 là du-hồn, thuộc mộc, làm át mộc;
- 10 là vọng-ý, thuộc thổ, làm kỉ thổ.

Đó là ngũ vật. Hễ ngũ vật đủ rồi, thì có ngũ tặc ở trong đó. Ngũ tặc là:

Mừng, giận, buồn, vui, muốn.

Du-hồn chủ sự sống, có tánh lành, nên xúc động đến thì sanh mừng (hỉ).

⁷ Hỗn độn nghĩa là lộn lạo trộn hóa, không còn phân biệt nọ kia

⁸ Hỗn-luân (đọc là hồn luân cũng được) nghĩa là khí có đủ hình chất, dờm chia rẽ mà chưa thấy chia rõ ràng

⁹ Diện mục, nghĩa là mặt mắt, chỉ cái hình trạng về tinh thần, cái chơn tướng.

Qui-phách chủ sự chết, có tánh dữ, nên xúc đến thì sanh giận (nộ).

Thức-thần rất linh-thiên, có tánh tham, nên xúc động đến thì sanh vui (lạc).

Trược-tinh rất dâm-dục, có tánh si, nên xúc động đến thì sanh buồn (ai).

Vọng-ý rất xao động có tánh loạn, nên xúc động đến thì sanh muôn (dục).

Thuộc hậu-thiên, ngũ vật, ngũ tặc, tuy là do ngũ hành hóa ra, mà trong đó có chỗ phân biệt. Trong ngũ vật: Tinh, thần, ý đều sanh sau, duy có HỒN, PHÁCH sanh ra trước hết. Hồn lại còn sanh trước phách nữa, Hồn là hột giống luân hồi đời đời kiếp kiếp: làm người, làm quỷ cũng nó; làm Thánh, làm Hiền cũng là nó; làm lành, làm dữ cũng là nó; mang lông đội sừng cũng là nó. Thần này tuy chưa sanh, chớ nó đã có trước rồi. Còn khí tuy chưa tuyệt, chớ nó đã đi trước rồi.

Đương lúc con người vừa xé bọc chun đầu ra, oa oa ít tiếng, là lúc hồn nhập khiếu. Hồn vừa nhập khiếu, thì nó thọ hậu-thiên mộc khí, hiệp cùng tiên-thiên nguơn-tánh, cái giả nương cái thiệt mà tồn tại. Cho nên anh-nhi xô ra mà không có tiếng oa oa, thì chẳng thành con người, vì du-hồn chưa nhập. Tuy là có nguơn tánh, mà một mình đâu tồn tại được:

**Cái giả nhờ cái thiệt mà tồn-tại,
Cái thiệt nhờ cái giả mà lưu-liên.**

Còn phách thì lấy phần linh của khí huyết, thọ kim khí mà đoàn kết, sanh rồi bảy bảy là 49 ngày mới tiêu diệt. Thế

tục làm tuần cho kẻ chết bảy cái thất là 49 ngày chính vì có đó.

Hồn là một vật hay dời dạt chẳng định, lia cái này thì bắt cái kia, lia cái kia thì bắt cái nọ, luân hồi không cùng, nhiều kiếp mà chẳng hư hoại. *Phách mất hay còn đều do thân này*. Thức-thần tuy thọ hỏa khí mà sanh, chớ cũng ở trong hồn mà ra. Trược-tinh tuy thọ thủy khí mà sanh, chớ cũng do phách mà thành, *ý là tư-lự*, động-tác, dùng nó mà sử khiến: *tinh, thần, hồn, phách*, cộng là tứ vật.

Ngũ vật, ngũ tặc đều là có sau khi sanh thân này, nên gọi là “*dĩ sanh xuất*”, nghĩa là: đã sanh ra rồi. Do bởi việc này xảy ra sau khi sanh thân, nên gọi là hậu-thiên. Còn: tâm, can, tì, phế, thận, đã trước mà lại có hình chất, nên không được kể vào đây.

Lúc ban sơ mới sanh, hậu-thiên ngũ hành với tiên-thiên ngũ hành, hai cái hiệp chung làm một. Ngũ vật nhờ ngũ nguơn dẫn dắt, còn ngũ tặc nhờ ngũ đức kèm chế. Mỗi khi cử động đều là tiên-thiên làm chủ-tể, hậu-thiên chẳng qua là tay sai mà thôi.

Cho nên hồi anh-nhi vô thức vô tri¹⁰ thì tốt lành, chẳng có một mảy dữ, là chí nhân (nhân cùng bực); nhân ấy là mối manh của nguơn-tánh. Nhơn, ngã đều quên là chí nghĩa: nghĩa ấy là mối manh của nguơn-tinh. Thịnh, sắc chẳng mê là chí trí: ấy là mối manh của nguơn-tinh. Tâm khí bình hoà là chí lễ: lễ ấy là mối manh của nguơn thần. Một lòng thành chẳng dối hai là chí tín: tín ấy là mối manh của nguơn-khí.

¹⁰ Vô thức vô tri, nghĩa là không hay biết. Y nói cử động nhằm lẽ mà vô tâm chẳng phải để ý suy nghĩ.

Lúc nó tĩnh là ngũ nguơn, khi nó động là ngũ đức, mà động, tĩnh đều là tiên-thiên hành sự. Trong lúc đó, dầu có tỏ dầu: mừng, giận, buồn, vui, nhưng đều là vô tâm cả.

**Mừng mà không giữ lâu (bám chặt),
Giận mà không dờn dặt (giận lây),
Buồn mà không xót xa (đau đớn),
Vui mà không thái quá (dâm dật).**

Mừng, giận, buồn, vui chưa phát thì gọi là Trung. Chừng nó phát ra rồi mà trúng tiết (nhằm lễ) thì gọi là Hòa. **Trung với Hòa có ý nghĩa là không dục vọng. Không dục vọng ắt: tinh, thần, hồn, phách, ý, mỗi thứ đều yên ngôi, vâng theo mạng lệnh tiên-thiên.**

Tiên-thiên, hậu-thiên, âm dương giao phối, tinh hoa trong nhị ngũ mà hiệp đúng phép mới đoàn kết: hoặc tiên-thiên động thì hậu-thiên thành, hoặc hậu-thiên động thì tiên-thiên thành. Chơn không rời giả, giả chẳng rời chơn. Chơn nhờ giả mà vẹn toàn, giả nhờ chơn mà tồn-tại, trọn hết là MỘT khí, không chút nào tổn thương, tròn vìn, đầy đủ, như ngũ hành trong hoạ-đò: âm dương đồng ở một chỗ, tượng hình MỘT khí lưu hành. Cổ-nhơn dạy người phải tìm giữ cái “*nuơng sanh diện*”, nghĩa là cái diện-mục của mình khi mẹ sanh, là chỉ vào đây.

Đến năm 16 tuổi (là nhị bát), tiên-thiên khí đầy đủ, dương cực thì âm lần sanh, vì giao tiếp với hậu-thiên, nên hồn, phách chẳng định, thức-thần nổi lên, thì khai tinh-khiêu (cửa lọt tinh ba), ý loạn tâm mê, ngũ vật đều dấy lên, ngũ tặc phá hại, ngũ nguơn, ngũ đức tiêu mòn lần. Như vậy, ngày

này qua ngày kia, năm kia tới năm nọ, âm khí thuần rồi thì dương khí tận, không chết làm sao được?

Đây là đạo đi thuận thì sanh ra con người. Duy bậc Thánh-nhơn có học phép tiên-thiên mới biết bảo dương lúc tiên-thiên chưa tuyệt, mới biết thôi âm khi hậu-thiên khởi sanh. Thánh-nhơn lấy cái hậu-thiên mà hàm dưỡng tiên-thiên, lấy cái tiên-thiên mà chế hóa hậu-thiên, hành đạo vô vi, thẳng vào cõi Thánh.

Cái đạo vô vi chẳng ra ngoài cái diệu lý của Hà Đồ bắt từ trong mà sanh ra âm dương ngũ hành, tức là đạo thuận sanh, sanh ra con người. Còn ngũ hành âm dương trong Hà Đồ hiệp nhau, trọn hết là MỘT khí, tức là đạo nghịch vận sanh ra Thánh-nhơn. Nghịch vận không phải lấy nghĩa phản huòn. Ấy là đem ngũ hành tàng ẩn như trước (trả lại) nơi Trung Huỳnh Thái-cực, đặng cho thấy trở lại cái diện-mục hồi lúc cha mẹ chưa sanh.

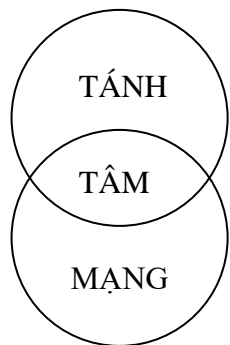
Mạnh Tử nói rằng: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí bốn đức tính này căn cứ tại Tâm, cái sắc anh-hoa của nó hiện nơi mặt đầy đặn, hình ra sau lưng, oai nghi bày ra tay chơn, tay chơn chẳng đợi mình bảo, mà tự-nhiên hiểu biết cử động hiệp nghi cả. (Như cái tay chẳng đợi bảo phải cung kính mà tự biết cung kính, cái chơn chẳng đợi bảo trung hậu mà tự biết trung hậu¹¹).

Số là tâm làm chủ cả cái thân, có đủ các đức là: nhân, nghĩa, lễ, trí. Nếu lấy một cái tâm mà vận nhân, nghĩa, lễ, trí, rờng là Thiên-chơn hành sự, ngũ vật, ngũ tặc đều theo lệnh nó khiến, ngũ hành đoàn kết, tứ tượng hòa hiệp, thì tánh tức là mạng, mạng tức là tánh. Tánh mạng một nhà, âm dương trọn hóa, hình thần đều đặng huyền diệu, cùng Đạo hiệp một

¹¹ Cõi thiên”Tận tâm” thượng trong sách Mạnh Tử

lẽ chơn, căn cứ tại Tâm mà sanh sắc anh-hoa, chẳng đợi bảo mà hiểu biết, tự nhiên như thế. Cái tâm đó mới là không phải cái tâm chết ngắt bằng cục thịt (*nhục đoàn chi ngoan tâm*). Ấy là cái tâm của Trời Đất (*Thiên địa chi tâm*), ngũ hành không sao đến đó được, tứ đại khó xông pha vào đây. Chỗ gọi Huyền Tản là nó đây vậy.

Cái không phương hướng, không định chỗ nơi, nghĩ ra ắt sai, bàn lại thêm quấy, chẳng thể lấy lời mà dạy, chẳng thể dùng bút mà tả, khép mở có giờ, động tịnh như như, chẳng chênh chẳng lệch, tốt trông tốt linh, gương kêu là Thái-Cực, gương vẽ ra cái này O, ấy là một điểm ở chính giữa Hà Đồ. Nhân bởi cái tâm này là gốc rễ của Trời Đất, cội nguồn của tánh mạng, sau có kẻ học giỏi, gương vẽ như hình liên hườn bên trái, làm cho người tự tỉnh, tự ngộ lấy, do thần lãnh hội mà thôi.



Cái tâm đó: lớn không có chi lọt ra ngoài, nhỏ không có chi xen vào trong, dầu cõi ba ngàn Thế-giải chứa nó cũng không hết. Thích-gia trong Tạng-kinh có 5 ngàn 48 cuốn (số kinh đã phiên dịch hồi đó, chớ bây giờ đã lên 9 ngàn, 10 ngàn) nói cũng không rõ: Nho gia có lục kinh, tứ thư, luận cũng không trọn; Đạo-gia có Đơn-kinh, Tứ thư đến ngàn cặp muôn cuốn, giải cũng chẳng hết.

Luận về cái vô, thì nó lại hoạt hoạt bát bát¹². Luận về cái hữu, thì nó là yếu yếu minh minh¹³.

¹² Hoạt bát, nghĩa là có cái dáng ứng tiếp mạnh mẽ linh động.

Hữu vô không luận, động tịnh chẳng câu, hễ ai đặng tâm này thì ra tử vào sanh, ai mất nó thì ra sanh vào tử. Chết sống chỉ tại đặng hay mất cái tâm này. Trước nói: Nhân, nghĩa, lễ, trí, căn cứ tại Tâm, là chỉ cái Tâm này đây.

Trong cái Tâm này, có khí ngũ hành, mà không có hình chất ngũ hành. Nó ẩn trong ngũ hành mà chẳng bị nhốt trong ngũ hành. Gốc nó tại lúc cha mẹ chưa sanh sắp về trước, hiện ra lúc cha mẹ sanh rồi sắp về sau. Nó vắng lặng chẳng động, cảm xúc liền hay, cho nên chủ-tể bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí.

Nhân, nghĩa, lễ, trí đều do cái Tâm này biến hóa ra. Bởi vì nó biến hóa ra được: nhân, nghĩa, lễ, trí, nên cũng có tên là tín. *Tín đây không phải là chữ tín thuộc về lời nói. Ấy là chữ tín do âm dương hiệp chung làm MỘT, chơn thật không dối. Chơn thiệt là diệu hữu, không dối là chơn-không, không mà chẳng không, chẳng không mà không. Nhân, nghĩa, lễ, trí, đều có đủ trong đó.*

Công-phu vô-vi là mượn sức Đạo làm cho toàn hình. Mượn sức Đạo làm cho toàn hình, ấy là dùng tín mà thấu hết: nhân, nghĩa, lễ, trí, tức là **đem: nhân, nghĩa, lễ, trí**, gom về một chữ Tâm, là **đem: nhân, nghĩa, lễ, trí**, gom về một chữ Trung. TÍN, TÂM, TRUNG cả ba tên đều là MỘT KHÍ. Một khí lưu hành, ngũ ngươn, ngũ đức, đoàn kết không tan, hiệp trọn về một Thái-Cực, chẳng sấm, chẳng lậu¹⁴, thì hậu-thiên

¹³ Yếu minh, nghĩa là có cái dáng tinh thần lơ mờ, không phân biệt (cảnh nửa thức nửa ngủ)

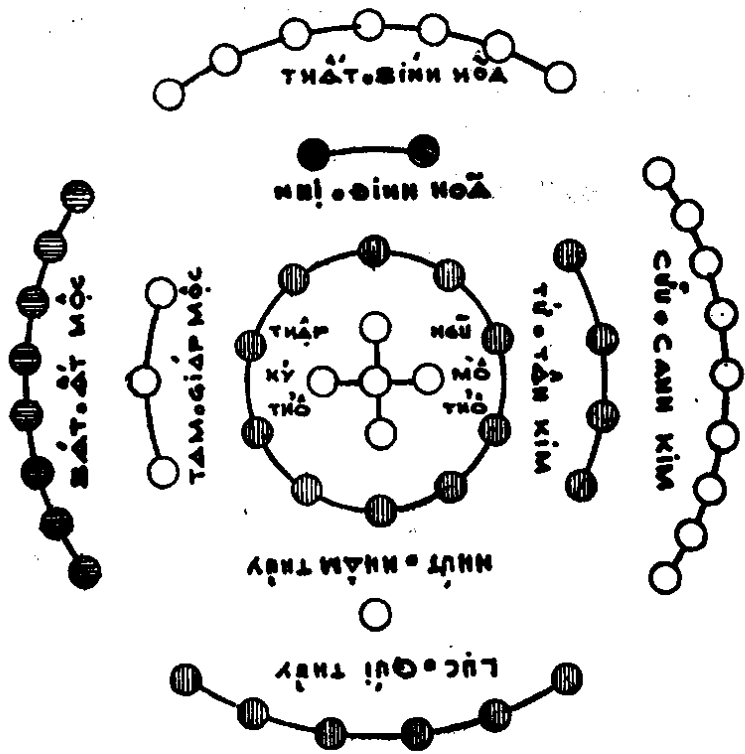
¹⁴ Chẳng sấm lậu, nghĩa là chẳng rinh chảy, lọt mất một nhều, một giọt nào cả. Cũng có nghĩa là phiến-não.

ngũ vật, ngũ tặc cũng đều hóa ra dương. Tiên-thiên khí và hậu-thiên khí, hai khí hiệp chung làm MỘT. Hễ tu tánh xong, thì mạng cũng xong (trong công-phu tu tánh đã có tu mạng rồi, khỏi phải tu mạng riêng nữa).

Đạo thượng đức vô-vi, tức là lý Hà-Đồ, đã lộ ra trọn hết trên đó.

Sấm lậu là Nhân, luân hồi nghiệp báo là Quả. Hễ sấm lậu hết, nghiệp báo cũng dứt, thì ra khỏi vòng Tam giới, về cõi Niết bàn

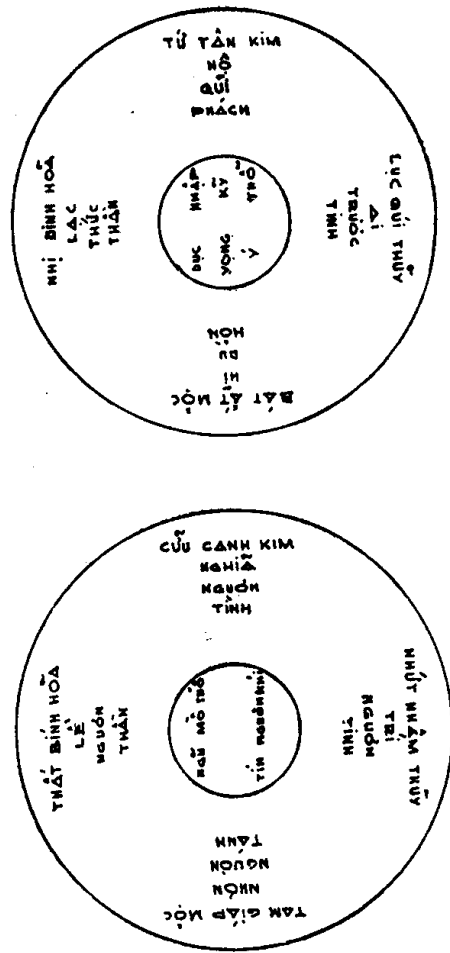
① CỒ HẢ ĐỒ



② HẬU THIÊN ÂM NGŨ HÀNH

②

TIỀN THIÊN ĐƯƠNG NGŨ HÀNH



③ SƠ SANH
ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH HỒN HIỆP



II.- LẠC THƠ

Lạc-thơ là đạo hữu-vi biến hóa, thuộc về âm dương thổ tổng (nghĩa là trong cảnh loạn mà xếp yên) và ngũ hành nghịch vận.

Hồi thuở vua Đại Vũ trị nước lụt bên tàu, có một con Thần Qui nổi lên tại Lạc-Hà (sông Lạc), trên lưng có nhiều vạch:

**Chín vạch ở gần đầu,
Một vạch ở gần đuôi,
Ba vạch ở gần sườn bên trái,
Bảy vạch ở gần sườn bên mặt,
Bốn vạch ở gần vai**

trái,

**Hai vạch ở gần vai mặt,
Sáu vạch ở gần chơn mặt,
Tám vạch ở gần chơn trái,
Năm vạch ở tại chính giữa lưng,**

Cộng là chín ngôi, tượng hình đủ cửu cung.

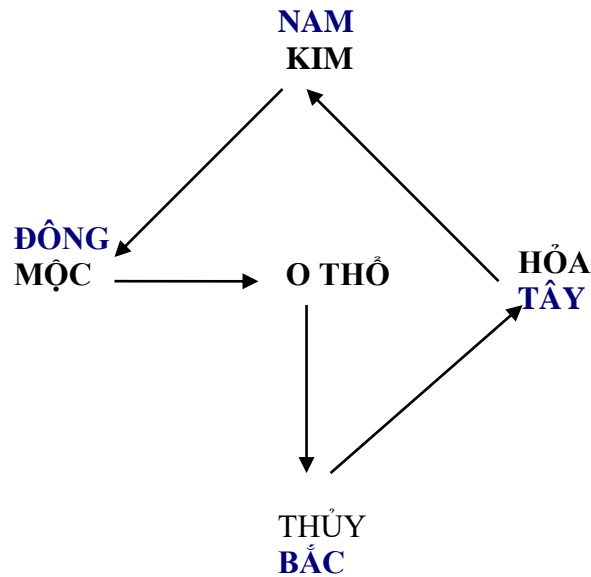
Năm vạch ở chính giữa cũng tượng hình Thái-Cục.

Một vạch ở chính giữa lại cũng tượng hình nhứt khí.

Bảng đồ này hình vuông, mà vuông tượng hình Đất, là cái lý Lạc-thơ ở nơi nghịch khắc

Nghịch khắc nghĩa là lấy âm khắc dương, vận qua phía bên hữu, cho nên:

**trung thổ khắc bắc phương thủy,
bắc phương thủy khắc tây phương hỏa,
tây phương hỏa khắc nam phương kim,
nam phương kim khắc đông phương mộc,
đông phương mộc khắc trung-ương thổ.**



Âm trước, Dương sau.
Âm tĩnh, Dương động.

Tĩnh dùng chế động, lấy khắc làm gốc, ấy là công-phu
thâu liễm thành tựu.

Thậ liễm thành tựu là công phu của kim hỏa.

Hỏa dùng mà luyện rèn

Kim dùng mà sát phạt.

Cho nên kim ở ngôi hỏa, hỏa ở ngôi kim; kim hỏa
đồng cung, thì muôn vật chẳng có món nào không nhờ nơi
đó mà đặng đúc un thành tựu. Ấy là: kim hỏa âm dương đều
thổ. Thủy, mộc dương chẳng động thì âm thổ, là nói: kim,
hỏa khắc thì thủy, mộc sanh khí thâu liễm.

Khắc là cốt để trọn sanh, nghịch là cốt để thành thuận,
cho nên ở ngoài thì thổ khắc (loạn khắc), mà ở trong có tổng
sanh (thuận sanh).

Thổ là thổ loạn (lộn xộn). Âm dương thổ loạn ở ngoài
nên tương khắc.

Tổng là tổng chinh (xếp yên). Âm dương tổng chinh ở
trong nên tương sanh.

Trong cái thổ có cái tổng, mượn âm mà phục dương
thì cái đạo: đổi hậu-thiên lại tiên-thiên, không phải ở trong
đó sao?

Con người từ lúc sanh ra về sau, dương cực âm sanh,
ngũ hành thổ loạn, âm dương chẳng giao, hai bên phá hại
nhau. Cái chơn bị chôn lấp, cái giả lại buông lung, cho nên
thất tình, lục dục trở ra đủ mặt, ngũ uẩn bất thức hiện chẳng
sốt một thứ nào, trăm việc sàu nó cắm vào lòng, muôn điều
nhọc nó lao hình thể, lấy khổ làm vui, lấy giả làm thiệt. Bỏ
lai diện-mục lu lờ, mất sáng.

Cũng như trong Lạc-thơ tượng hình:

**âm thủy khắc dương hỏa,
âm hỏa khắc dương kim,
âm kim khắc dương mộc,
âm mộc khắc dương thổ,
âm thổ khắc dương thủy.**

Trong Lạc-thơ có số 5 ở giữa mà không có số 10, là vì
âm thổ thổ loạn, chạy ra ngoài mà khắc thủy.

Trời có đức báo sanh, mượn con thần Qui mà tiết lộ
đạo phản huờn cho người biết **qui gia nhận tổ**¹⁵, giữ gìn căn

¹⁵ Qui gia nhận tổ, nghĩa là trở về nhà mình, nhận ông cha là gốc sanh
thân của mình. Ý nói: trở về căn bản là người trung-ương.

bỏn tánh mạng của mình. Căn bản tại chỗ nào? Ấy là tại một vạch tại trung ương của số 5, chỗ gọi là Huyền Tản là nơi đó.

Cái cửa này:

**Sống cũng tại đó,
mà chết cũng tại đó,
thuận cũng tại đó,
mà nghịch cũng tại đó,
ngũ hành thổ loạn, phân tán cũng tại đó,
mà ngũ hành tổng chỉnh, qui tụ cũng tại đó.**

Bởi vì tại đó, có một cái gốc của Trời, Đất (*Thiên địa chi căn*), có chữ Tín của nhân, nghĩa, lễ, trí, nên thổ nhờ đó mà được tổng lại, tán nhờ mà được tụ lại.

Hễ mất chữ Tín đó thì:

**ngũ nguơn đều bị tổn thương, ngũ vật cả thấy dấy lên,
tánh nhân, nghĩa, lễ, trí, biến ra tánh mừng, giận, buồn, vui.**

Giữ được chữ Tín đó thì :

**ngũ nguơn trở sanh, ngũ vật tiêu diệt,
tánh, mừng, giận, buồn, vui biến ra tánh nhân, nghĩa, lễ, trí.**

Trong Lạc-thơ có số 5 ở chính giữa là vì nhân, nghĩa, lễ, trí đều căn cứ ở chữ Tín. Còn số 10 ở ngoài, dùng chữ Tín mà vận nhân, nghĩa, lễ, trí:

**Tín tại nhân ắt dạng nhân,
Tín tại nghĩa ắt dạng nghĩa
Tín tại lễ ắt dạng lễ,
Tín tại trí ắt dạng trí.**

Đặng một chữ Tín đó, thì nhân, nghĩa, lễ, trí không thứ nào mà chẳng biến hóa theo Tâm.

Đạo biến-hoá là đạo: đổi hậu-thiên lại tiên-thiên, ấy là tại Lạc-thơ, trong thổ loạn mà có tổng chỉnh, tượng hình Tam ngũ hiệp nhứt. Ngũ hành có âm có dương, chỉ có nhị ngũ, chớ không có tam ngũ. Vì sao mà gọi là tam ngũ? Là bởi lấy số 5 làm tam gia (mỗi nhà có một số 5) mà luận .

Số 5 ở chính giữa có 5 vạch:

**Vạch thứ nhứt ở phía bắc là thủy,
Vạch thứ hai ở phía tây là hỏa,
Vạch thứ ba ở phía đông là mộc,
Vạch thứ tư ở phía nam là kim,
Vạch thứ năm ở chính giữa là thổ.**

- a) Mộc sanh hỏa, hiệp làm nhứt gia:
số 2 với số 3 cộng thành nhứt ngũ.
- b) Kim sanh thủy, hiệp làm nhứt gia:
số 1 với số 4 cộng thành nhứt ngũ.
- c) Thổ ở tại trung-ương, cũng là nhứt gia:
một mình số 5 cũng đủ nhứt ngũ.

Tam gia tương kiến, đó là nói ba nhà (ba số ngũ) hiệp nhứt.

Tam ngũ hiệp nhứt cũng là nhứt âm, nhứt dương, tinh hoa của nhị ngũ hiệp đúng phép mà thành MỘT. Nhị ngũ hiệp nhứt, xét lại cũng là trong âm mà phản lại dương, nhứt ngũ qui tụ mà thành MỘT. Nhứt ngũ qui tụ, hờn hờn luân luân, tuần hườn không cùng, không tiếng không hơi, thì đâu có nhứt ngũ, đâu có nhị ngũ hay là tam ngũ nữa?

Cái đạo: đổi hậu-thiên lại tiên-thiên là trong âm ngũ hành, phản hườn dương ngũ hành, trở lại làm Một khí. Trong

đạo phản hườn đây, chẳng có chi mà trước hết không phản về chữ Tín.

Đức Lão Tử nói: “*Hoảng vậ hốt vậ*¹⁶, *trong đó có vật; yếu vậ minh vậ, trong đó có tinh; tinh này rất thiết, trong đó có Tín*”.

Chữ Tín này là Tín của tiên-thiên lai phục. Hễ Tín này trở lại thì mờ kĩ phát hiện, trong có chủ-tể, muôn việc hóa không, tư lự cũng dứt, thì tâm chẳng buồn mới sanh trí. Trong chữ Tín mà sanh ra trí, ấy là mờ thổ khắc quý thủy, làm cho thủy phản lại dương.

Thủy phản lại dương thì trí có gốc tại Tín, trí không vọng động, không còn tham cầu, tâm khí bình hoà, ắt vui mền việc phải thì có lễ. Trong chữ trí sanh ra lễ, ấy là nhâm thủy khắc đĩnh hỏa, thì hỏa phản lại dương.

Hỏa phản lại dương thì lễ có gốc tại trí, hòa mà chẳng đồng, tránh những điều phi lễ, khí nóng tiêu hết, ắt chẳng giận mà sanh nghĩa. Trong chữ lễ sanh ra nghĩa, ấy là bính hỏa khắc tân kim, thì kim phản lại dương.

Kim phản lại dương thì nghĩa có gốc tại lễ, nghĩa chẳng quá thiên vị, biết tòng quyền biến, noi theo qui củ, ắt vui mền điều lành thì có nhân. Trong chữ nghĩa sanh ra nhân, ắt là canh kim khắc ất mộc, thì mộc phản lại dương.

Mộc phản lại dương thì nhân có gốc tại nghĩa, nhân chẳng quá nhu nhược, tốt lành không chút ác, một lòng chẳng đôi hai, ắt không tình dục thì có Tín. Trong chữ nhân sanh ra Tín, ấy là giáp mộc khắc kĩ thổ, thì thổ phản lại dương.

¹⁶ Hoảng hốt có nghĩa là: trong chỗ chí tịnh, lại có vật động sanh (dương sanh dục sản), làm cho hành-giả phải hoảng hốt giật mình.

Thổ phản lại dương, thì Tín có gốc tại nhân. Tín mà đặng chánh, trở về ngôi mình, không động không lay, thì chơn thổ hiện hình, ắt giả thổ tự tịnh.

Mờ kĩ hiệp nhau: Mừng, giận, buồn, vui, đều qui về vô dục; nhân, lễ, nghĩa, trí đều qui về một chữ Tín, thì ngũ khí triều ngươn.

Hậu-thiên ngũ vật đều vâng lệnh ngũ ngươn,

thì tứ tượng hòa hiệp.

Ngũ hành thành ra Một khí,

thì tam ngũ hiệp nhưt.

Kết thành Thánh-thai,

thì chỉ có Một Thiên-lý.

Nhơn dục chẳng sanh, hườn ngươn phản bản, qui căn phục mạng, giống y bản-lai diện-mục hồi mới sanh vậ.

Như trong Lạc-thơ dương ngũ hành ở tại ngôi chánh, âm ngũ hành ở tại ngôi phụ. Ấy là tượng hình trong thổ-loạn có tóng chính không đồng nhau.

Trong thổ loạn có tóng chính, trong âm trở lại sanh dương, thì Kim-đơn hiện hình.

Tại Nho gọi là “Minh thiện phục sơ”.

Tại Thích gọi là “Ma-ha bát-nhã ba-la-mật”.

Ma-ha, nghĩa là lớn; bát-nhã, nghĩa là trí huệ; ba-la-mật, nghĩa là dâng bĩ ngạn (lên bờ bên kia, là bờ của Phậ; chỗ người thế-gian ở gọi là thử ngạn, là bờ bên này). Dùng đại trí-huệ mà dâng bĩ ngạn cũng là nghĩa: minh thiện phục sơ, hườn nguyên phản bản (trở lại tánh lành ban sơ).

Tam Giáo Thánh-nhơn cũng đều dạy một cái diệu lý nghịch vận đó mà thôi. Đạo Kim-đơn hữu-vi, toàn bằng

ngịch vận, cho nên nói: “*thất phản cửu huồn, kim-dịch đại huồn đơn*”.

Thất là số dương hỏa, hỏa ở tại ngôi kim. Hỏa gặp kim thì *nhập khó phản chơn*¹⁷.

Cửu là số dương kim, kim ở tại ngôi hỏa. Kim gặp hỏa thì *sinh minh huồn nguyên*¹⁸.

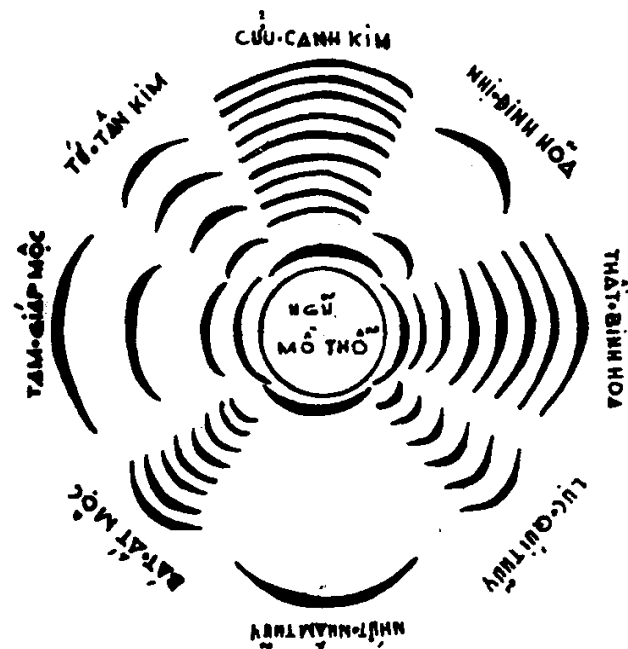
Hỏa phản chơn thì khí hậu-thiên tiêu hết. Kim huồn nguyên thì khí tiên-thiên lộn về, sanh sanh chẳng dứt. Nhân, nghĩa, lễ, trí gốc tại chữ Tín, thì kim, mộc, thủy, hỏa qui Trung-thổ. Ngũ hành qui tụ, thì Lạc-thơ trở lại thành Hà Đồ. Phép hữu-vi hết thì tới phép vô-vi. Lại còn phải gia công tu tới nữa. Tầm cái diệu lý trong Hà Đồ rồi, thì nhờ công phu tự nhiên tiên thiên vô vi mà thần có thể biến hóa vô cùng.

Người luyện đạo nơi chỗ thổ tổng biến hóa trong Lạc-thơ, mà xoi phá được lỗ khiếu, tại chỗ trung tim. Một vạch, dựng nên căn-cứ, nghịch lại mà tu, thì có lo chi là ngũ hành không qui tụ, âm dương không hòa hiệp Kim-đơn không đoàn kết, tánh mạng không tu xong.

¹⁷ Nghĩa là: hễ vào kho rồi, trở lại chơn chánh.

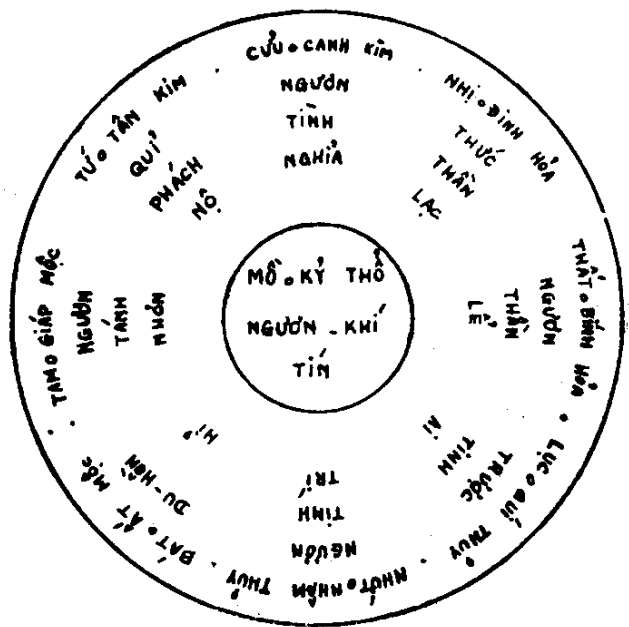
¹⁸ Nghĩa là: phát sanh sáng rõ, trở lại cội nguồn.

④ CỐ LẠC THƠ



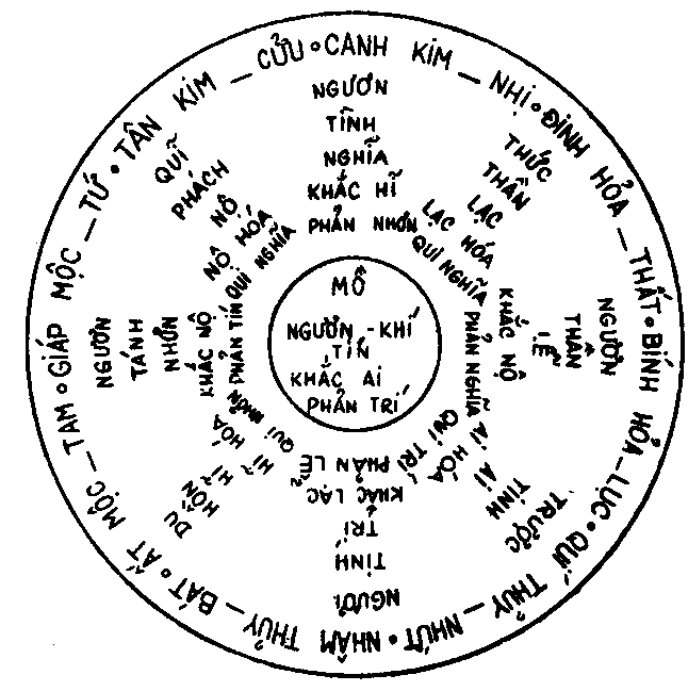
⑤

ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH THỔ LOẠN



⑥

ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH TỔNG CHÍNH



III.-ĐỒ THƠ HIỆP NHỨT (HÀ ĐỒ và LẠC – THƠ HIỆP LÀM MỘT)

Hà Đồ hình tròn, âm dương hiệp làm một, năm hành chung Một khí là đạo tự nhiên vô-vi.

Lạc-thơ hình vuông, âm dương có thô tổng (ngoài loạn mà trong xếp yên), năm hành khắc chế nhau là đạo biến-hóa hữu-vi nghịch vận.

Hình tròn tượng hình Trời là Một khí lưu hành, hoàn toàn là Thiên-lý, không tu không chứng, đặt mình yên trong Thái-cực, cốt để tu tánh.

Hình vuông tượng hình Đất là hai nghi (âm và dương) biến hóa. Trời người hiệp phát, có thêm có bớt, động tác ở trong âm dương, cốt để tu mạng.

Vô-vi nghĩa là: thuần dương chưa bị phá (chưa hao), người bực thượng đức tu theo đó.

Hữu-vi nghĩa là: đã giao với hậu-thiên, người bực trung, hạ tu theo đây.

Luận riêng về người thượng-đức, thì năm hành hiệp làm Một, tiên-thiên tổ-khí chưa bị phá, tánh mạng chung một nhà, khỏi phải nhọc công phản huồn (quày lại, trở về), chỉ dùng chơn-hỏa thiên-nhiên mà ôn dưỡng nó. Khi đó chưa bị hậu-thiên khuấy hại, thần đầy khí đủ, hễ có Thành (chơn thiệt) thì đặng Minh (sáng suốt) từ trong phát ra ngoài, lộ xuất Pháp-thân, đời đời chẳng hoại, muôn kiếp hằng còn.

Đạo-gia gọi là "*Thân ngoại hữu thân*" (ngoài cái thân này, có cái thân khác)

Thích-gia gọi là: "*Khiêu xuất luân-hồi*" (ra khỏi vòng luân-hồi).

Nho-gia gọi là: "*Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thân*" (phần thiêng liêng sáng suốt mà không thể biết nó được, đó gọi là thân).

Còn những kẻ bực trung, hạ, hoặc bị khí-chất câu thúc, hoặc bị tập-quán buộc ràng, tiên-thiên đã bị phá, thì hậu-thiên hành sự, tánh mạng chia ra làm hai chỗ. Nếu không có đạo hữu-vi thì cái chi đã mất rồi khó mà gặp lại được, đã đi rồi khó mà trở về được. Tuy có người chí-sĩ nhân-nhơn, cũng không làm sao thành-công được.

Cho nên tại sông Hà hiện ra Bản-đồ, nơi sông Lạc hiện ra Bức-thơ, Thánh-nhơn chép truyền lại, cho đời tìm xét ý nghĩa của nó được rồi, thì ai ai cũng hiểu lý tánh mạng.

Lời truyện của quẻ Khôn nói rằng: "*Kinh dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại*", nghĩa là: Lấy kính để sửa bên trong cho ngay thẳng, lấy nghĩa để cầu bên ngoài đặng vuông vức.

Kính là căn-cố đặt dè. Trực là tốt trung, tốt chánh, chẳng chệnh, chẳng lệch.

Lấy kính trực nội là: "*Suất tánh chi vị đạo*" (nghĩa là noi theo thiên-tánh mà ăn ở thì gọi là đạo), tức là đạo tự nhiên vô-vi của Hà-Đồ.

Nghĩa có nghĩa là biến hóa, chế giảm. Phương là chẳng động, chẳng lay, noi gìn qui củ.

Lấy nghĩa phương ngoại là: "*Tu đạo chi vị giáo*" (nghĩa là: chỉ cách sửa sang cái đạo, thì gọi là giáo) tức là đạo biến hóa hữu-vi của Lạc-thơ.

Vô-vi để tu bên trong, hữu-vi để tu bên ngoài. Tu bên trong là tu tánh, tu bên ngoài là tu mạng.

Người bực thượng-đức tu tánh mà mạng cũng đặng lập ngay, tự có Thành (chơn-thiệt) rồi đặng Minh (sáng-

suốt). Người bực hạ-đức trước tu mạng rồi sau tu tánh, tự đặng Minh mới có Thành.

Tự có Thành mà đặng Minh gọi đó là tánh, nói ra để dẫn người thượng-đức. Tự đặng Minh mà có Thành gọi đó là giáo, nói ra để độ người hạ-đức.

Nay vẽ bản-đồ trong tròn ngoài vuông, để chỉ rõ: người thượng-đức tu bên trong để chế bên ngoài, trước tròn rồi sau vuông; còn người hạ-đức tu bên ngoài cho yên bên trong, trước vuông rồi sau tròn. Tuy nói như vậy, chỗ người hạ-đức phải lấy cái tròn bên trong làm gốc, bất quá là về cái vuông bên ngoài, phần dụng công có nặng hơn mà thôi.

Hai chữ vuông, tròn, rất có diệu dụng: tròn chẳng phải vắng-lặng vô-vi, trong đó có công-phu phòng nguy lự hiểm (ngừa chừng các sự nguy hiểm); vuông chẳng phải là tuyệt hết việc đời, trong đó có công-phu nương thế pháp mà tu đạo pháp.

Biết được năm hành hiệp làm Một khí, một điểm Trung-huỳnh trong Hà-Đồ, thì tròn mới đặng tròn, chẳng đến đổi làm lạc về lối học tịch-diệt, trước không (vắng lặng, thiên về không tưởng).

Rõ được năm hành đương thô mà có tông, trong khắc mà có sanh; ngang, dọc, thuận, nghịch, rốt cuộc thì qui về Trung-huỳnh, thì vuông mới đặng vuông, chẳng đến đổi làm lạc về lối học miễn cưỡng, chấp tướng (cượng cầu, thiên về hình-tượng).

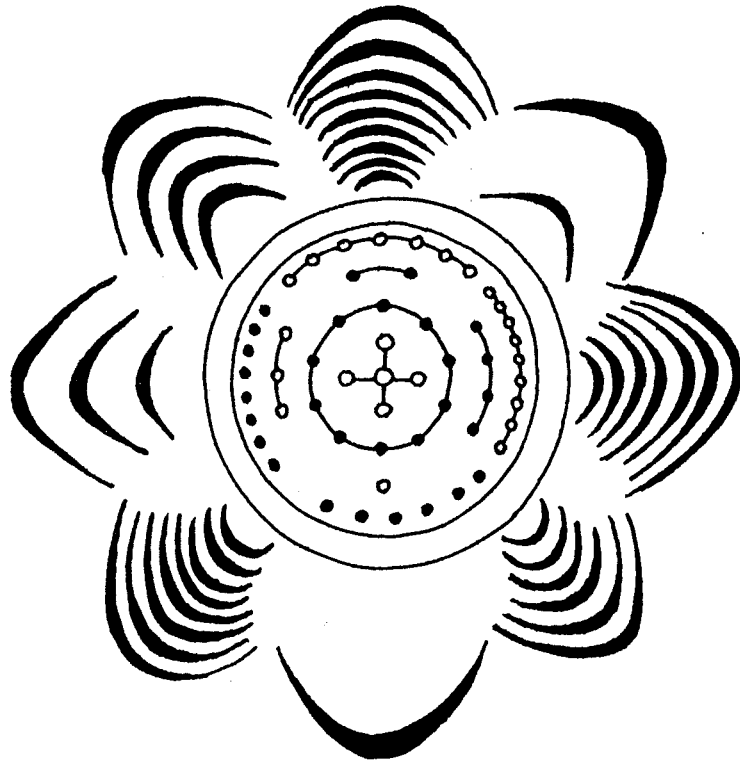
Dầu tròn, dầu vuông đều ở trong một điểm Trung-huỳnh. Vuông cũng do đó mà vuông, tròn cũng nhờ đó mà tròn. Không đặng chỗ Trung-huỳnh, thì vuông cũng không phải vuông, tròn cũng không phải tròn.

***Y! Nguyệt đảo Thiên-tâm xứ,
Phong lai thủy diên thì,
Nhứt ban thanh ý vị,
Liễu đắc thiểu nhơn tri.***

Nghĩa là:

***Trăng tới chỗ Thiên-tâm,
Gió lai rai mặt nước,
Một mùi hức thú riêng,
Mấy kẻ tìm ra được.***

(7) ĐỒ THƠ HIỆP NHỨT



IV.- TIÊN-THIÊN HOÀNH-ĐỒ

TIÊN-THIÊN HOÀNH-ĐỒ LÀ THỨ TỰ CỦA VUA PHỤC-HI VẼ RA BÁT QUÁI

Đương lúc chưa có quẻ mà sắp ra quẻ, thì số 5 ở chính giữa bản-đồ tức là Thái-cực.

Trước vẽ một vạch liền (cơ) để tượng hình Dương nghi; kế vẽ một vạch đứt (ngẫu) để tượng hình Âm nghi.

Thái-cực sanh lưỡng nghi, tức là cái vạch liền và cái vạch đứt ở trong bản-đồ.

Lại trên lưỡng nghi, mỗi bên có một vạch liền và một vạch đứt để tượng hình Thái-dương, Thái-âm, Thiếu-dương, Thiếu-âm.

Lưỡng nghi sanh tứ tượng, tức là mỗi vạch liền, mỗi vạch đứt trong bản-đồ chia ra tứ tượng là:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa.

Lại trên tứ tượng, mỗi ngôi có: một liền, một đứt, thành ra bát quái.

Tứ tượng sanh bát quái tức là trong bản-đồ tứ tượng mỗi ngôi có: một âm, một dương.

Vẽ tứ tượng mà không nói tới Thổ, là bởi Thái-cực tức là Thổ đỏ. Âm dương đối chọi nhau tương giao mà sanh quẻ cũng là Thổ. Vì nó sanh sanh chẳng ngớt, nên gọi là Thổ. Vì nó có một khí vận dụng, nên gọi là Thái-cực, Thái-cực và Thổ là Một mà thôi. Cho nên không nói tới Thổ, mà chỉ vẽ tứ tượng.

Tứ tượng đã có âm dương, thì Bát quái giao với nhau, cái này cái kia chọi đẩy nhau. Một quẻ chọi với tám quẻ, tám quẻ chọi hết lẫn nhau, rồi quẻ này chồng lên quẻ kia mà ra 64 quẻ.

Một quẻ đôi có sáu vạch, ba vạch dưới là lấy ý tam tài: Thiên, Địa, Nhơn. Có ba vạch trên, đối với ba vạch dưới cho có cặp, là lấy ý Thiên, Địa, Nhơn mỗi tài đều có âm dương.

Bát quái tức là âm dương của tứ tượng (mỗi thứ trong tứ tượng đều có âm dương.)

64 quẻ tức là khí do âm dương của tứ tượng phối hiệp mà sanh ra.

Bát quái sắp rồi chồng lên với nhau, tức là âm dương tương giao, thì sự sanh sanh chẳng ngớt, há chỉ có 64 quẻ mà thôi đâu!

Vẽ quẻ mà chấm dứt ở 64 quẻ, là vì Đạo của Tạo-hóa chẳng qua là âm dương của tứ tượng biến hóa ra đó mà thôi.

Tứ tượng kể âm và dương thì gọi là bát quái. Một quẻ đi khắp các ngôi chọi với tám quẻ, tám quẻ đi khắp các ngôi chọi với 64 quẻ, ngàn quẻ, muôn quẻ đều chẳng ra ngoài 64 quẻ đó được.

Vậy lấy cái gì mà hành khí, có phải là 64 quẻ chăng?

Mà 64 quẻ là tám quẻ,

Tám quẻ là tứ tượng,

Tứ tượng là lưỡng nghi.

Lưỡng nghi chỉ là Một khí Thái-cực lưu hành.

Thế thì Thái-cực là căn-bản của muôn sự biến hóa, là Tổ khí sanh ra muôn vật.

Có thái-cực này mới có âm dương,

Có âm dương mới có tứ tượng,

**Có tứ tượng mới có tám quẻ,
Có tám quẻ mới có 64 quẻ.**

Nếu không có Thái-cực thì:

Âm dương ở đâu mọc ra,

Tứ tượng ở đâu nảy sanh,

Tám quẻ ở đâu sắp thành,

64 quẻ ở đâu mà vận hành?

Vua Phục-Hi vẽ hoạ-đồ quẻ sanh quẻ, có phải là chỗ huyền-diệu của số sanh ở trong Hà-Đồ không?

Tử Dương đọc "Tham Đồng Khê" thấy có câu:

Nhứt tự hư-vô triệu chất,

Lưỡng nghi nhân nhứt khai căn,

Tứ tượng bất ly nhị thể,

Bát quái hộ vi tử tôn.

Nghĩa là:

Nhứt khí hư-vô lộ chất,

Lưỡng nghi do một chia đôi,

Tứ tượng không lìa hai thể,

Bát quái lẫn làm cháu con.

Muôn hình tượng sanh ra từ trong chỗ biến động, rồi mới có kết hung, hồi lẫn (hồi hận).

Thiên hạ vận dụng hằng ngày theo đó mà không rõ Thánh-nhơn tìm ra được cái bản nguyên tiên-thiên sanh ra các quẻ, nên các nghĩa màu-nhiệm nhờ đó mà phát lộ trọn hết.

Cái bốn-lai chon-tâm của người rỗng tuếch, không mang theo một mảy lông, một sợi tơ nào, tột trống không, tức là Thái-cực. Ấy là chỗ gọi "Vô danh thiên địa chi thủ", thì nghĩa là: cái không tên kia là môi đầu của trời đất.

Nhưng cái Hư-vô Thái-cực này chẳng phải là một vật chết, mà là một vật sống, trong đó có ẩn một điểm ○ sanh cơ. Điểm này gọi là khí tiên-thiên chon nhưt, là cội tánh mạng của con người, là nguồn của Tạo-hóa, là gốc của sanh tử.

Trong Hư-vô có ngậm-chứa (tiềm-tàng, chưa phát lộ) Một khí, chẳng có, chẳng không, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô hình, rất là hoạt bát. Lại cũng gọi là Chon-không, Chon-không là chẳng không mà không, không mà chẳng không. Ấy là chỗ gọi "Hữu danh vạn vật chi mẫu", nghĩa là: cái có tên kia là mẹ sanh của muôn loài.

Một khí Hư-vô có một điểm sanh cơ ở trong, đó là Thái-cực ngậm chứa Một khí, tức là câu: "Nhứt tự Hư-vô triệu chất". Một khí đã lộ chất, thì không thể chẳng động, chẳng tịnh, động là dương, tịnh là âm. Cái động và cái tịnh này sanh ở trong Một khí, chánh là: "Lưỡng nghi nhân nhứt khai căn". Đã có động, có tịnh, động hết sức rồi tịnh, tịnh hết sức rồi động, thì tánh, tình, tinh, thần đã có ngụ ở trong. Đó là lưỡng nghi sanh tứ tượng, chánh là "tứ tượng bất ly nhĩ thể". Đã có tứ tượng là tánh, tình, tinh, thần, thì mỗi tượng đều có động, có tịnh. Đó là tứ tượng sanh bát quái. Bát quái sanh khắc lẫn nhau mà "hộ vi tử tôn" (cái này sanh cái kia, cái kia sanh cái này, làm con cháu lẫn cho nhau).

64 quẻ bởi đó mà nảy sanh, muôn hình biến động từ đó mà mọc ra.

Nhưng muôn (hình) gốc ở tám (quẻ),

tám gốc ở bốn (tượng),

bốn gốc ở hai (nghi),

hai gốc ở Một (khí),

Một gốc ở Hư (vô).

Hư là môi đầu của khí (khí chi thủ),

Một là mẹ sanh của khí (khí chi mẫu).

Hư-vô là thể, một khí là dụng, thể dụng như một.

Hai hoặc bốn, hoặc tám, hoặc muôn, đều vận dụng ở trong Một khí Hư-vô, thì có gì là kiết, hung hối lẫn đâu?

Bằng mất một khí Hư-vô, thì động tịnh chẳng hợp thời, bốn khí chẳng còn điều hòa, tám quẻ thổ loạn, muôn hình biến động, thì chừng đó mới phân ra kiết, hung, hối lẫn.

Cái chỗ bí mật này, ai không biết nó mà thuận theo khí âm dương, thì có sống có chết, muôn kiếp trầm luân. Cho nên nói: thiên hạ vận dụng hằng ngày theo đó mà chẳng rõ. Ai biết nó mà nghịch với khí âm dương, thì ra chết vào sông, lên ngay cõi Thánh. Cho nên nói: Thánh-nhơn tìm ra được cái Bồn-nguyên.

Dụng nó hằng ngày mà chẳng rõ, là nói: chẳng rõ biết Một khí Hư-vô.

Trời Đất sử khiến được vật có hình, chớ không thể sử khiến vật không hình, sử khiến được kẻ có tình, chớ không thể sử khiến kẻ vô tình, sử khiến được kẻ hữu tâm, chớ không thể sử khiến kẻ vô tâm.

Tìm ra được cái Bồn-nguyên, đặt cái tâm mình ở Hư-vô, dưỡng tâm ở Một khí. Tuy rằng có: lưỡng nghi, tứ tượng, tám quẻ, 64 quẻ, nhưng cả thảy đều vận dụng tại chỗ căn-bản là Hư-vô, chẳng hề sanh ra bao giờ, muôn hình đều không, duy có một cái đó ○.

Thử hỏi cái đó là sự vật trong một khí Hư-vô, thì làm sao:

**kiết hung gia cho mình
hối lẫn gân bên mình được?**

Cách sanh quẻ và sắp quẻ của Phục Hi rất hay thay! Hay là hay ở chỗ tám quẻ sắp thành Kiền dương kiện lúc đầu tiên, Khôn âm thuận lúc cùng cuối. Khi âm dương mới sanh thì cả hai đều ở tại trung-ương.

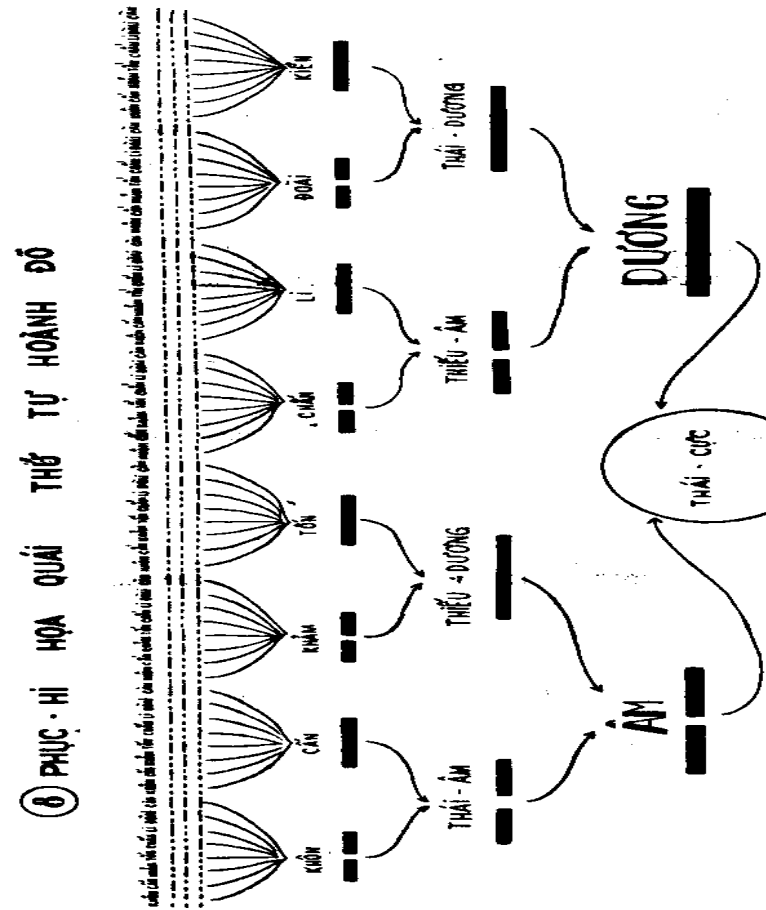
**Kiền đầu tiên là Kiền dị tri (dễ biết)?
Khôn cùng cuối là Khôn giản năng (gọn làm).**

Đứng về mặt Trời Đất thì gọi là: “*dị tri, giản năng*”, mà theo đạo người thì gọi là: “*lượng tri, lượng năng*”, hoàn toàn là Thiên-lý. Cho nên một động, một tịnh đều lấy một điểm Hư-bạch (một vòng tròn trắng) ở chính giữa mà lập căn-cơ.

Ở chỗ không quẻ mà sanh quẻ, nếu con người tìm ra được Bồn-nguyên, thì bỗng-nhiên sẽ thấy cái Bồn-lai diện-mục (chơn-tướng), mới là biết Một khí Hư-vô, ngậm chứa sự vật:

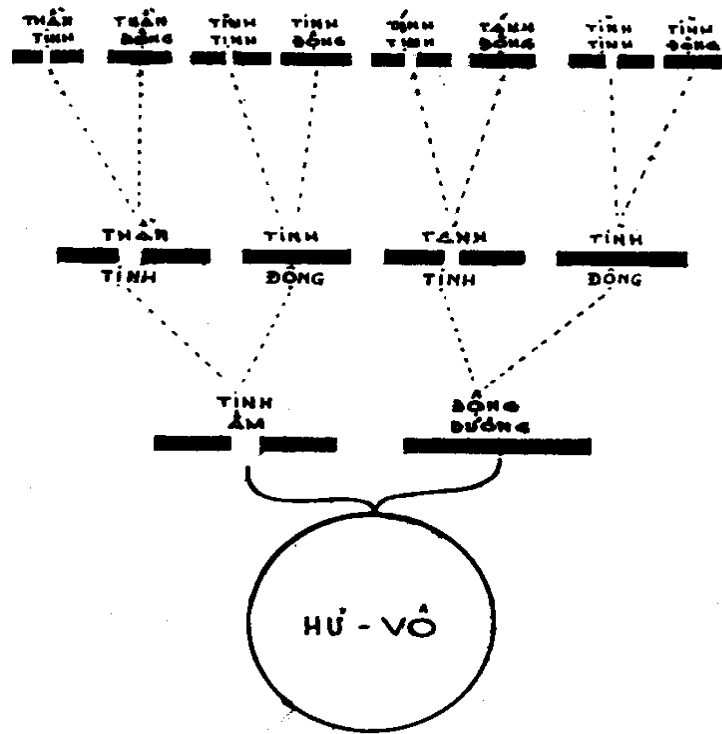
**Tốt không mà ngậm chứa tốt có,
tốt trống mà ngậm chứa tốt đặt,
không hình mà hay biến hóa,
cho nên biến hóa vô cùng.**

Trong Tâm ta tự-nhiên có một ông vua Phục-Hi. Trong thân ta tự nhiên có Đạo sanh sanh chẳng ngớt.



⑨

VÔ TRUNG SANH HỮU ĐỒ



V.- TIÊN THIÊN PHƯƠNG VIÊN ĐỒ (BẢN ĐỒ VUÔNG TRÒN THUỘC TIÊN-THIÊN)

Ngôi các quẻ trong bản-đồ bát quái tròn của Phục-Hi là ngôi của Trời, Đất sắp thuận theo thứ tự trên dưới.

Mặt nhật, mặt nguyệt vận hành tại khoảng chính giữa Trời Đất:

Lôi (sấm) động ở dưới đất,

Tốn (gió) thổi ở trên Trời,

Trạch (miệng ao) ngưỡng lên Trời,

Sơn (chun núi) bám vào Đất,

Trời Đất phản phúc (điên đảo) mới có âm có dương.

Sơn trạch thông khí mới có sanh có thành.

Phong lôi tương đặng (xâm lấn lẫn nhau) mới có lên có xuống.

Thủy hỏa bất tương dịch (nhàm chán với nhau) mới có lạnh có nóng.

Đó là biểu-tượng của bát quái.

Trời Đất bao trùm khắp, nhật nguyệt vận tạo hoá:

a) Mặt Nhật bắt từ bên trái mà tiến, thì khí dương lên. Cho nên quẻ Chấn có một dương, quẻ Đoài [có hai dương, quẻ Kiền] có ba dương đều ở bên trái.

b) Mặt nguyệt bắt từ bên mặt mà thối, thì khí âm sanh. Cho nên quẻ Tốn có một âm, quẻ Cấn có hai âm, quẻ Khôn có ba âm đều ở bên mặt.

Đây là khí vận của bát quái.

Khí hành thì 64 quẻ bèn sanh, 64 quẻ tức là 8 quẻ thúc đẩy nhau, biến hóa mới có sanh Khí vận thì chạy bên trong, biểu tượng thì hiện bên ngoài.

Nhưng thứ tự của khí hành theo bát quái cũng là nghịch đạo. Có nghịch thì mới có sanh, không nghịch thì chẳng sanh được. Vậy thì thuận sanh tức là ở trong nghịch thối mà ra.

Bản-đồ tròn và lấy ý tròn để tượng hình Trời. Mà Trời vận hành một khí lên xuống, giáp vòng rồi trở lại mỗi đầu, tuần hoàn không biết đầu là manh mối.

Đó là biểu tượng của Thái-cực, lúc chưa sanh ra (vị *sanh xuất*).

Cái Đạo chưa sanh không làm sao mà thấy nó được? Thấy là thấy cái quẻ sanh ra kia. Đã sanh ra rồi mà nghịch vận trở lại, thì cái chưa sanh tức còn ẩn ở trong đó.

Cho nên theo ngôi vị quẻ, thì quẻ Chấn = có một dương ở bên trái phía dưới hết; quẻ Li có hai dương, một âm ở bên trái chính giữa; quẻ Đoài [có hai dương ở bên trái gần trên, quẻ Kiền] ba dương ở bên trái phía trên hết. Kể theo thứ tự thì:

Kiền nhưt, Đoài nhì, li tam, Chấn tứ.

Theo ngôi vị quẻ thì bắt dưới đi lên. Còn theo thứ tự quẻ thì bắt trên mà đi xuống.

Đủ thấy ở trong nghịch có thuận, ở trong thuận có nghịch. Còn cái đi nghịch lại với: Kiền nhưt, Đoài nhì, li tam, Chấn tứ đó tức là:

Tốn ngũ, Khảm lục, Cấn thất, khôn bát.

Một khí đi thuận lên là khí dương của quẻ:

Chấn, Đoài, Li, Kiền.

Một khí đi nghịch xuống là khí âm của quẻ:

Tốn, Khảm, Cấn, khôn.

Dương thổi tức là âm sanh, dương tiến tức là âm thổi.

Tóm lại, âm dương chỉ có Một khí biến hóa, chứ không phải ngoài Một khí ra, lại có âm dương riêng biệt. Nhưng cái máy sanh hóa (sanh cơ) của Một khí đặc diệu là tại chữ nghịch đó.

Duy có nghịch, khí mới lại. Nếu đi nghịch lại, thì khí dương thật liễm qui căn, rồi cũng sanh lại như trước vậy. Cho nên “Hệ Từ truyện” nói rằng:

“*Sở vãng giả thuận, tri lai giả nghịch*”. Nghĩa là: Đếm xét cái qua rồi là thuận, biết việc sẽ tới là nghịch.

Vì có mà Dịch tức là nghịch sở. Đủ thấy tiên-thiên Thái dịch hoàn toàn ở chỗ nghịch.

Ngôi vị quẻ thuận sanh, thứ tự quẻ nghịch sanh, cái ý tứ này thâm thúy biết mấy! Chẳng những trong tám quẻ như thế, mà trong bản-đồ phương viên, có 64 quẻ cũng y như thế.

Bản-đồ tròn thuộc về phép tám quẻ chọi đẩy nhau. Chọi đẩy nhau là một quẻ chọi, mà vận hành khí của tám quẻ kia. Tám quẻ chọi đẩy nhau, mà vận hành khí của tất cả 64 quẻ. Chớ không phải ngoài tám quẻ ra, riêng biệt có 64 quẻ đâu!

64 quẻ chẳng qua là là 8 quẻ vận dụng, 8 quẻ chỉ là một âm một dương vận dụng, một âm một dương vận dụng chỉ là Một khí thuận nghịch vận dụng mà thôi.

Bản-đồ tròn, bản đồ vuông cũng là khí vận của tám quẻ.

Duy theo bản đồ vuông thì:

Quẻ Kiên ở tây bắc,

Quẻ Tốn ở đông nam.

Là bởi: Kiên nhứt, Đoài nhì, li tam, Chấn tứ, Tốn ngũ Khảm lục, Cấn thất, khôn bát tà hành (nghĩa là: đi theo lối chẳng chánh).

Hai bản-đồ thiết là chẳng đồng nhau vì:

Tròn tượng hình Trời,

Vuông tượng hình đất.

Cái trên là dương làm Trời ,

Cái dưới là âm làm Đất.

Tây-bắc cao còn Đông-nam thấp.

Cao tức là dương,

Thấp tức là âm.

Bản-đồ vuông cũng lầy:

Kiên nhứt Đoài nhì... làm thứ tự, tức là nghịch đạo của Kinh Dịch. Thiên biến vạn hóa đều là một chữ nghịch, không có hai lý.

Hay thay cho Thiệu Tử đem bản-đồ vuông đặt trong bản-đồ tròn, thiết là hiểu hết cái tâm truyền của Phục-Hi đó!

Số là bản-đồ tròn của Phục-Hi, thì ngưỡng lên xem thấy Trời mà vẽ, còn bản-đồ vuông thì cúi xuống y theo Đất mà vẽ.

Đất vốn vô-vi, nhờ thọ khí của Trời mà ra hữu-vi.

Khí của Trời là Ngũ vận,

Khí của Đất là Lục khí.

“Vận” của Trời nhập vào “Khí” của Đất, thì: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý, Mò, Kì vận hành ở ngôi: Tí, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là khí ngũ hành, hóa làm:

Phong (gió)

Hàn (lạnh)

Thử (nóng)
Thấp (uớt)
Táo (ráo)
Hỏa (lửa)

Bản-đồ tròn thì vận ở ngoài, bản-đồ vuông thì sanh ở trong.

Khí Trời động, còn khí đất tĩnh. Một khí đi đi lại lại lấy Kiên, khôn làm bao la (bao quát), lấy lục thiếu (sáu quẻ nhỏ: Chấn, Tốn, Khảm, li, Cấn, Đoài) làm biến hóa.

Dương nghịch thì âm sanh,
Dương thuận thì âm thối,
Tứ thời hành thì trăm vật sanh.

Cái Đạo tiên-thiên tạo-hóa tới đây là rõ ràng rồi. Nhưng cái Đạo trong vuông ngoài tròn, Trời động, Đất tĩnh, lại còn có chỗ bí mật khó nói. Phục-Hi không thể chỉ rõ cho người biết, chỉ lấy 64 quẻ sắp làm hai bản-đồ vuông, tròn mà thôi. Thiệu Tử cũng không thể viết ra cho người thấy, chỉ lấy hai bản-đồ vuông tròn, hiệp làm một bản-đồ trong vuông ngoài tròn mà thôi.

Phục-Hi chẳng phải là không muốn dạy, nhưng dạy chẳng qua là: vẽ các quẻ làm bản-đồ, còn phân nào không thể vẽ quẻ, làm bản-đồ, thì không dạy được.

Thiệu tử chẳng phải là không muốn viết ra, nhưng viết ra chẳng qua là làm bản-đồ trong vuông ngoài tròn. Còn phần sở-dĩ nhiên (lý do làm sao mà ra vậy) không ở trong tròn vuông, không dính với tròn vuông, thì không viết ra được.

Nhưng có quẻ có bản-đồ, những chỗ không dạy, không viết ra được, ta có thể suy tìm ở trong quẻ, trong bản-đồ.

Trong bản-đồ vuông, 8 quẻ giao thô chỗ chính ngay giữa chữ thập của 16 quẻ



tức là Thái-cực, làm cửa cho âm dương ra ra vào. Âm cũng sanh ra ở đó, dương cũng sanh ra ở đó, tứ tượng hoà hiệp ở đó, ngũ hành qui tụ ở đó. Cho nên quẻ Chấn, quẻ Tốn có một âm một dương ở tại giữa, như nghĩa số 5 ở chính ngay giữa Hà-Đồ, Lạc-thơ.

Duy nhờ có Thái-cực này mà âm dương:

Có sanh, có thành,
Có chia, có hiệp.
Có động, có tĩnh.


Dương từ Tây-bắc mà nghịch thối về trung-ương, là sanh khí ở chính giữa. Âm từ trung-ương mà thuận vãng về đông-nam, là âm khí ở phía ngoài.

Âm là khách, dương là chủ. Lấy dương thông (trị) âm, lấy âm thuận dương, âm tùy dương tiên hay thối mà theo tiên thối. Đó là nghĩa chữ vuông.

Trong bản-đồ tròn:

Dương bên tả đi lên,
Âm bên hữu đi xuống.


Âm lại giao cùng dương thì một âm sanh trên Trời. Dương lại giao cùng âm thì một dương sanh dưới Đất. Dương sanh hay âm sanh đều là ở tại chính giữa của bản-đồ.

Cái tròn tượng hình  Một khí của Trời lên xuống. Lên là dương, xuống là âm, tượng hình một khí vận âm dương. Ở tại đây, chỗ âm dương giao cùng nhau, tức là Một khí Thái-cực. Thái-cực tức là Một khí, Một khí tức là Thái-cực.

Luận về thể, thì gọi là Thái-cực, luận về dụng thì gọi là Một khí.

**Lúc nào phải dương thì dương,
Lúc nào phải âm thì âm,
Lúc nào phải lên thì lên,
Lúc nào phải xuống thì xuống,
dương mà âm,
âm mà dương.**

Một khí hoạt bát, không định có không, tự nhiên đóng mở, đều là vận dụng ở một điểm tại chính giữa đó.

Một điểm đó  tức là Tạo Hóa lục, Âm Dương khốt. Phục-Hi không thể dạy rõ được, tức là cái đó. Thiệu Tử không thể viết rõ được, tức là cái đó.

Học-giả biết được căn do của nó ở trong bản-đồ vuông, tại chỗ chánh ngay chữ thập, hiểu thiết xứ của nó ở trong bản-đồ tròn tại chỗ Kiên Khôn giao đại (giáp tiếp và thay thế nhau), thì tại chỗ chánh ngay chữ thập, lập định căn-cước tại chỗ điểm chính giữa đó mà tu trì tánh mạng.

**Vuông để trị trong,
Tròn để ứng ngoài.
Lấy Thái-cực, Một khí làm thể,
Lấy tứ tượng, bát quái làm dụng.
Trong tròn có vuông,
Ngoài vuông có tròn.**

Vuông tròn dùng câu nệ, thì trong thân mình ta tự có 64 quẻ của Phục-Hi.

Trong hai bản-đồ vuông và tròn, chẳng cần phải nêu văn chấp tượng, có thể đăng ý rồi quên lời, hoạt hoạt, bát bát.

Nhưng chỗ quan trọng nên chú ý trong hai bản-đồ vuông tròn, là tại nghịch vận cho được.

Hễ nghịch thì sanh, mà thuận thì chết. Trong cái thuận mà sanh, thì sanh này có hạn; còn trong cái nghịch mà sanh, thì sanh này không cùng.

Có sanh (có biến hóa) thì chẳng sanh (chẳng sống). Không sanh (không biến hóa) thì trường sanh (sống lâu). Một nghịch, một thuận, Trời Đất cách nhau xa lắm.

Thứ tự của Phục-Hi bày ra, ấy là biểu tượng của số nghịch. Văn Tuyên thích ra, ấy là chánh lý của số nghịch. Thiệu Tử chú ra, ấy là chú các quẻ lúc chưa sanh. Vậy thì Dịch này tức là nghịch đạo, không còn ngờ vực gì nữa.

Kinh xưa nói rằng: "*Ngũ hành thuận sanh, thì cõi Pháp-giải là hỏa-khanh (hầm lửa). Ngũ hành điên đảo, thì cảnh đại-địa là Thất-bảo (ao thất-bảo, nước mát mẻ, ở cảnh Tây-phương Cực-lạc)*". Người đời muốn tận tánh, chí mạng, mà bỏ ra cái tiên-thiên nghịch đạo nói đây, thì không còn chước thuật nào khác nữa.

- Nghịch là nghịch làm sao?

- Tức là nghịch hồi (trở lại) cái tánh bản chơn trước khi cha mẹ sanh ta đó thôi. Con người chịu khí âm dương ngũ hành của Trời, Đất mà sanh ra:

Khí dương của Trời tốt cường kiện, kết tinh làm mạng; khí âm của Đất tốt nhu thuận, đọng lại làm tánh.

Lúc mới sanh ra thì kiện và thuận hiệp nhau, tánh mạng chung một nhà, tánh chẳng lìa mạng, mạng chẳng lìa tánh, tánh tức là mạng, mạng tức là tánh. Đó là chỗ gọi: "*Thiên mạng chi vị tánh*", nghĩa là: (Cái điểm linh-quang của) Trời phú cho ta thì gọi là tánh.

Đương lúc này, thì hoàn toàn là Thiên-ly (không có gì khác nữa, lưu hành chẳng ngớt, tiên-thiên làm chủ mỗi việc, hậu-thiên chưa có phát lộ; muôn vật đều là không, bụi trần không thể nhiễm, một động, một tịnh, đều là vận dụng nơi trong Thái-cực.

Cho nên tánh mình động mà chẳng đến đổi sanh ra táo bạo, động mà khiêm hòa; khiêm mà chẳng quá nhu nhược, khiêm mà làm việc quả quyết; khiêm và động hiệp làm một, thì cũng như lời phong tương đặng (gió sấm xâm lấn nhau).

Lại minh mà chẳng tới mức tự-dụng¹⁹, minh mà tự như hãm dưới thấp; hãm mà chẳng tới mức muội tánh, hãm mà hay minh: minh và hãm hiệp làm một, thì cũng như thủy hỏa chẳng tương dịch (nước lửa chẳng nhằm chán nhau).

Hòa mà chẳng xuống mức nguy vọng, hòa mà có chỉ sở (có chỗ ngừng, có ranh hạn) chỉ mà chẳng lạc vào nẻo không-tịch (vắng lặng), chỉ mà hay hòa, hòa và chỉ hiệp làm một, thì cũng như sơn trạch thông khí (núi ao thông hơi nhau).

Trong dương có âm, trong âm có âm dương. Dương thì kiện, âm thì thuận, âm dương hỗn thành một cảnh rộng-tuếch. Trong đó có treo một hột thử-mễ, bửu châu tròn vìn, sáng rõ, trong sạch, đồ lói, chẳng biết, chẳng hay, y phép Thượng-đế. Đó là chỗ gọi: “*Suất tánh chi vị Đạo,*” nghĩa là: nơi theo bản-tánh (mà cư xử) thì gọi là Đạo.

¹⁹ Tự dụng nghĩa là: chỉ cậy nơi sức mình mà hành động, cố chấp ý kiến riêng của mình. Đức Khổng Tử nói: Kẻ ngu (không phải Thánh-Hiền) mà ưa tự dụng, người tiện (không phải thiên-tử) mà ưa tự chuyên.

Đạo là cái gì? Tức là Thái-Át hàm chơn khí chẳng dùng tác vi, thung dung mà trúng Đạo, chơn-không nhưng diệu-hữu. Ý nói: *Chí thiện vô ác*.

Chí thiện vô ác là lành lên cực điểm, không sấm lậu, chẳng trong ngoài, không nhọn ngã, chẳng tu chúng, không phối đối, chỉ có một cái linh chơn-tánh, chiếu sáng chẳng tối, chẳng phải sắc, chẳng phải không, tức sắc, tức không (mà nhập với không và sắc), chẳng phải có, chẳng phải không có, tức có, tức không có, sắc không như một, chẳng định không hay có, rỗng là Thiên-cơ, tuyệt không nhọn-cơ, sanh khí hằng còn.

Tuy là có cái tánh nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà không có cái hình nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

**Bất nhân mà chí nhân,
Bất nghĩa mà chí nghĩa,
Bất lễ mà chí lễ,
Bất trí mà chí trí.
Tức là nhân,
Tức là nghĩa,
Tức là lễ,
Tức là trí.**

Một tánh thiện mà có thể gồm đủ bốn đức, Một khí mà có thể gồm đủ muôn pháp, thì làm sao có chất cặn bã như ngũ vật, ngũ tặc. Đó là chỗ gọi: “*chưa sanh ra*” vậy.

Chưa sanh ra nghĩa là: Thiên-chơn ở bên trong chưa phân tán ra ngoài, tức là Bản-lai diện-mục, tức là hột giống sanh thánh-hiền, tức là phôi-thai của Tiên, Phật.

Cái diện-mục, hột giống, phôi-thai này, người nào cũng có đủ, kẻ nào cũng hoàn thành, dầu bực Thánh không

thêm, dầu người phạm chẳng bớt, nên Thánh phạm đồng chung một con đường.

Đến khi khí tiên-thiên đủ, khí hậu-thiên lần sanh; khí âm chủ động mỗi việc, tinh, thần, hồn, phách, ý đều khởi, thì Thánh phạm mới chia ra làm hai ngã.

Tới đây, chỉ có bực Thánh-nhơn tự Trời sanh mới giữ được cái Bồn-lai diện-mục đó mà thôi. Còn cả thầy thường-nhơn chưa từng có ai không bỏ chơn theo giả, tự tôn thương tánh mạng mình.

Từ xưa, các vị Thánh-sư, đại từ, đại bi, đem cái đạo “Bão nhứt vô-vi” mà lưu truyền cho đời sau. Đó là muốn cho người người thành đạo, ai ai cũng rõ lý chơn.

“Nhứt” là khí tiên thiên Chơn-nhứt, tức là khí do âm dương hỗn hiệp, chẳng phải chia hai, tức là khí của tánh mạng đoàn kết không tán vạy.

Cái khí này ở trong mình người, tứ đại chẳng dính dấp, ngũ hành chẳng ngộ tới, không hình, không tượng, tột trống, tột linh, có cái dáng hoạt bát (linh động, lanh lẹ), hiệu là Cốc-thần.

Cái thần này chủ tế muôn hình trạng, cầm quyền khí âm dương. Đây là chỗ gọi:

**“Cốc-thần bất tử, thị vị Huyền-tần,
Huyền tẩn chi môn, thị vị Thiên Địa căn dã”.**

Nghĩa là: Cốc-thần chẳng chết, gọi là Huyền-tần. Cửa Huyền tẩn này gọi là gốc sanh ra Trời Đất.

“Bão” nghĩa là ôm ấp, nắm giữ. Bão Nhứt nghĩa là: nắm giữ Một khí này hằng còn mãi và chẳng lạc mất.

Đây là chỗ gọi:

“Thủ Huỳnh đình, dưỡng Cốc-thần dã”.

Nghĩa là: Giữ cung Huỳnh-đình, là nuôi nâng Cốc-thần vạy..

Nhưng Bão-Nhứt chẳng phải nói là: Không không vô-vi. Ấy là nghịch thối tiên-thiên chơn dương, tự nhiên chơn dương khởi bị hậu-thiên âm giả làm luy. Nếu nghịch thối chơn dương, tự nhiên có chơn âm ôn dưỡng.

Chơn âm và chơn dương hỗn hiệp với nhau. Kiện thuận chung, huyền tẩn giao, động chẳng lìa tịnh, tịnh chẳng lìa động tự nhiên có tiên-thiên chơn hỏa ở trong lư phát ra, do rần luôn luôn, thì tiên-thiên lần kết, hậu-thiên lần tiêu. Cốc-thần bền vững, tức là thành bực Vô-lậu Chơn-nhơn.

Đây là chỗ gọi:

**Yếu đắc Cốc-thần trường bất tử,
Tu bằng Huyền-tần lập căn ki.
Chơn-tinh ký phản Huỳnh-kim ốc,
Nhứt khoả Linh-quang vĩnh bất li.**

Nghĩa là:

**Muôn đặng Cốc-thần thường chẳng chết,
Phải dùng Huyền-tần lập căn cơ
Nhà vàng đã thấy Chơn-tinh lại,
Một điểm Linh-quang mấy thuở rời.**

Chơn-tinh, Linh-quang đều là tên khác của Cốc-thần. Linh-quang chẳng rời, tức là Cốc-thần chẳng chết. Cốc-thần chẳng chết, thì đặng trường sanh.

Cái cốc (hang) này ở trong bản-đồ tròn, tức là chỗ giữa Kiền Khôn trống không. Ở trong bản-đồ vuông, tức là chỗ giữa chữ thập phân mối. Ở trong mình con người, tức là chỗ tứ tượng hòa hiệp.

Cái thần này ở trong bản-đồ tròn, tức là chỗ Kiên Khôn giao đại. Ở trong bản-đồ vuông, tức là chỗ chữ thập giao tiếp. Ở trong mình người, tức là chỗ tứ tượng động tịnh.

Có hang (khiếu trông không lặng lẽ) thì thần còn ở, không có hang thì thần đi mất. Sống tại đó, chết tại đó, âm sanh tại đó dương trưởng tại đó. người xưa gọi nó là: Sanh-môn, Tử-hộ. Lại cũng gọi là: Tạo-hóa lục, Âm-dương hộ.

Nho gọi nó là "Đạo nghĩa chi môn",

Thích gọi nó là: "Bất nhị pháp-môn",

Đạo gọi nó là: "Chúng diệu chi môn".

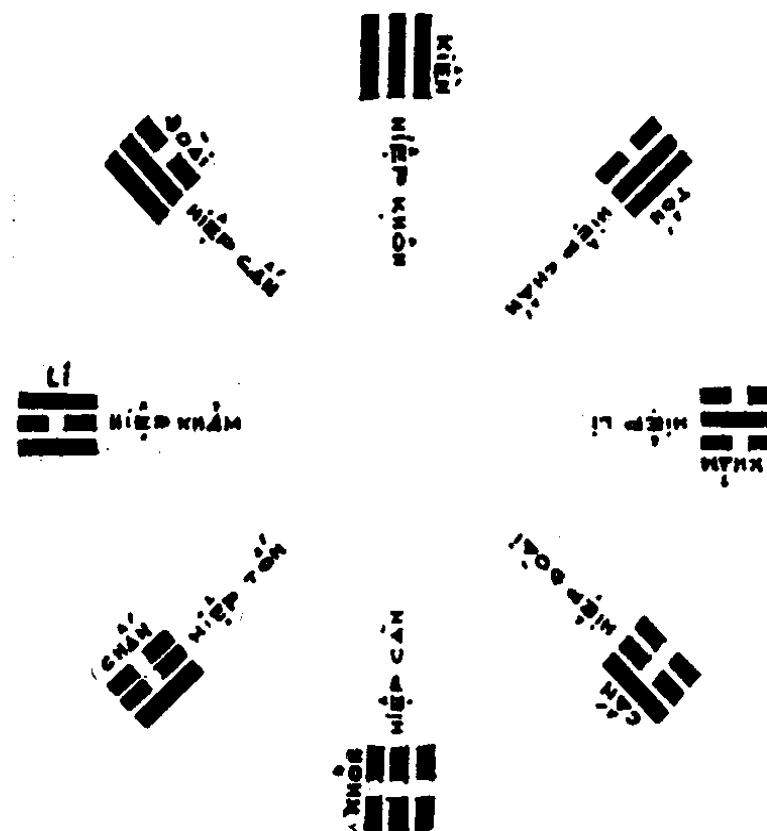
Nói chung gọi là Giá-cá (Cái đó).

Nếu có người thượng trí, đặng Minh-sư chỉ bày mối manh của Cái đó, nghịch lại mà tu, Thánh-thai hiện thành. Chẳng để cho dương cực, âm sanh, thì sẽ bước ngay lên bờ bên kia. Rồi gia công tu tới, luyện thần hườn hư, trở ngược về diện-mục (tình trạng) lúc cha mẹ trước khi chưa sanh, đánh phá Hư-không, nhảy ra ngoài vòng âm dương, tức là câu: "*Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thân*".

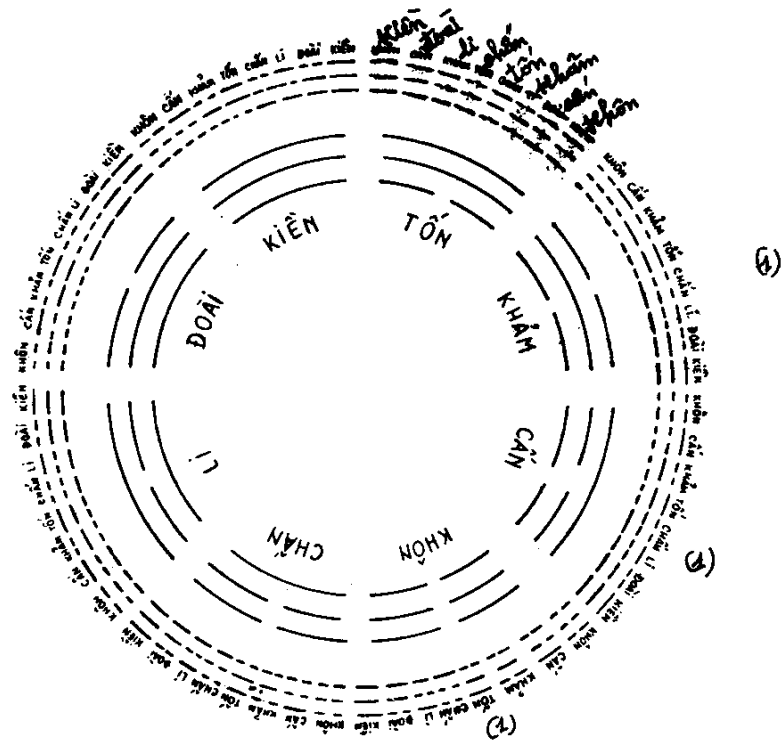
(Cái chi thông linh, sáng suốt, mà không thể biết nó được, thì gọi đó là thần).

Y ! Theo xuôi thì chết, vận nghịch thì sống. Lý này thường có đem dạy người, mà không ai tìm ra mối. Nếu chẳng gặp Chơn-sư, để dầu chi biết một chữ nghịch đó!

⑩ PHỤC-HI BÁT QUÁI
PHƯƠNG VỊ CỐ ĐỒ

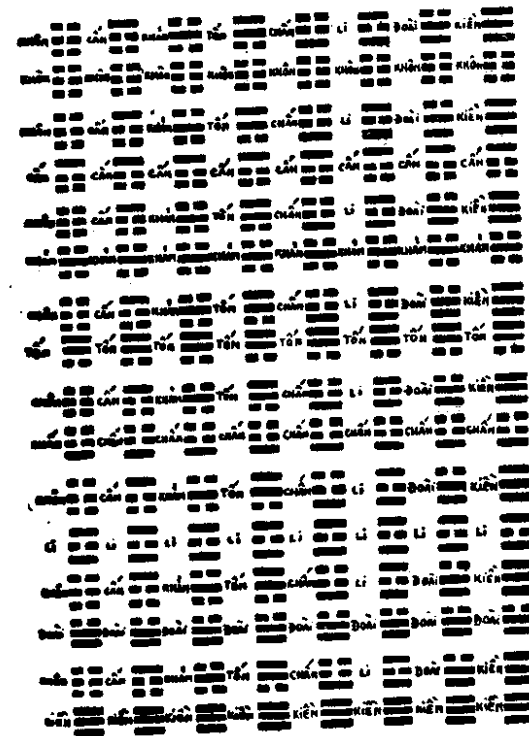


⑪ PHỤC - HI
TIÊN - THIÊN LỤC THẬP TỨ QUÁI VIÊN ĐỒ

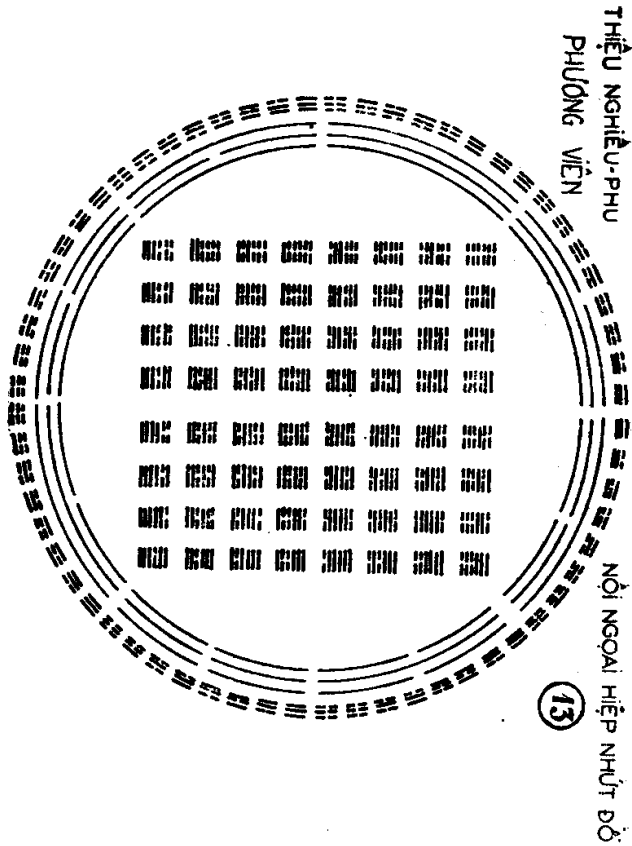


④ Xin đổi ngược lại như trên 66 -

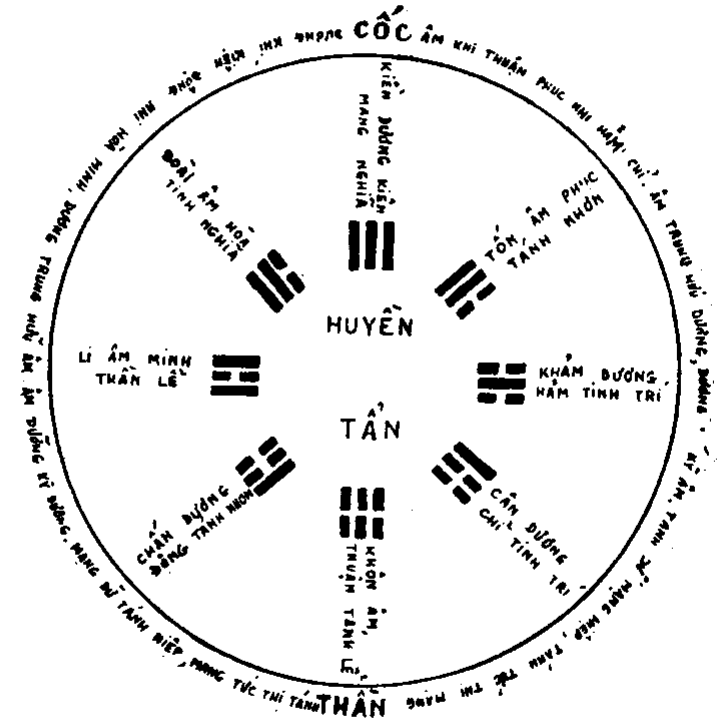
⑫ PHỤC - HI
TIÊN - THIÊN LỤC THẬP TỨ QUÁI PHƯƠNG ĐỒ



(13)
THIỆU NGHIÊU-PHU PHƯƠNG VIÊN



⑭ TIÊN THIÊN ÂM DƯƠNG
HỒN THÀNH ĐỒ

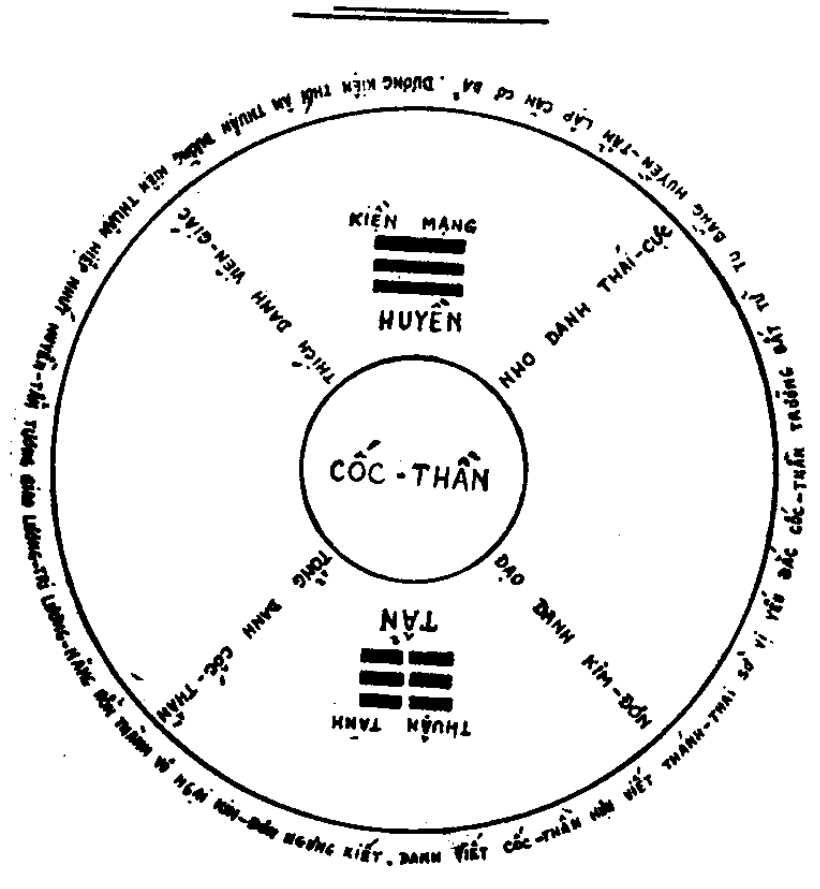


CỐC KHÂN ĐÁT TỬ THỊ VI HUYỀN TÂN, HUYỀN TÂN CHÍ MÔN THỊ VI
THIÊN ĐỊA CĂN

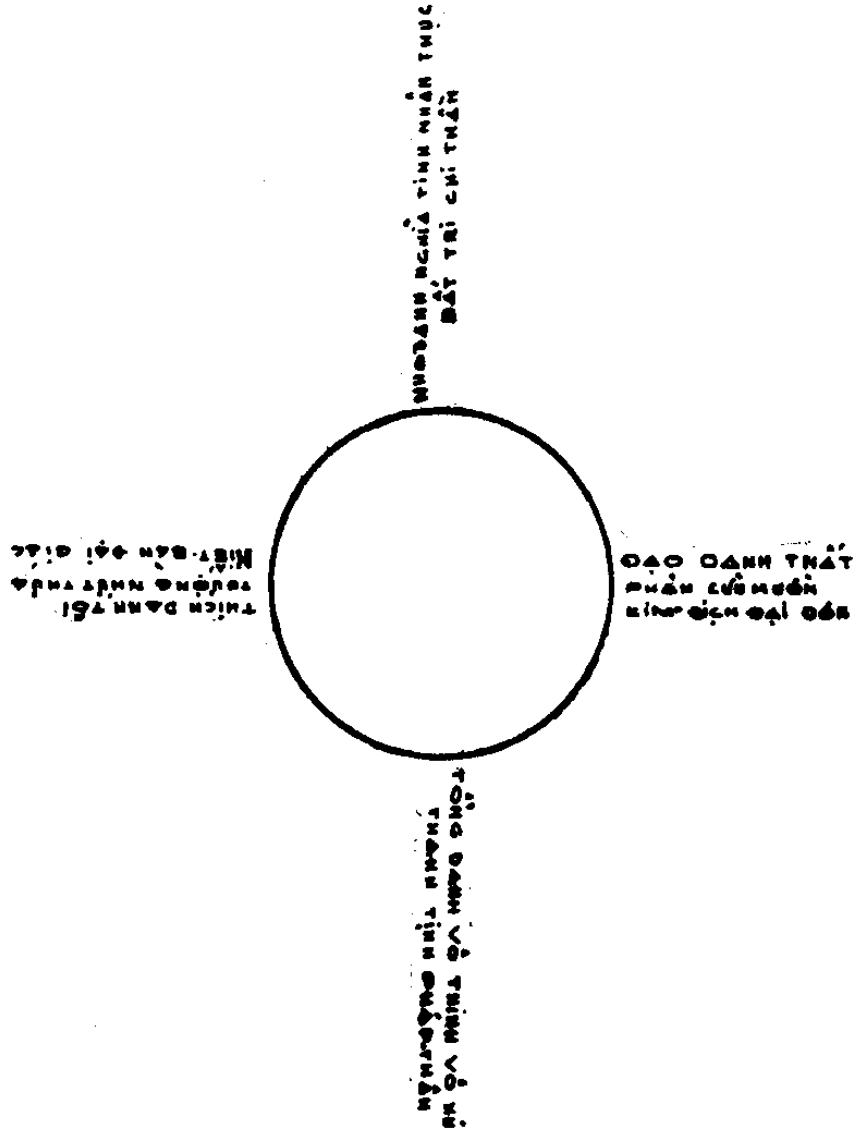
HỮU VẬT HỒN THÀNH, TIÊN THIÊN ĐỊA SÁNH, NGŨ ĐÁT TRÍ KỸ DANH
CƯỜNG DANH VIẾT ĐẠO.

15

NGỊCH VẬN TIÊN THIÊN KIẾT ĐƠN ĐỒ



16 LUYỆN THÂN HUỒN-HỦ ĐỒ



VI.-VĂN VƯƠNG HẬU THIÊN BÁT QUÁI (BÁT QUÁI HẬU-THIÊN CỦA VUA VĂN VƯƠNG)

Bát quái hậu-thiên của vua Văn Vương cũng là quẻ của vua Phục Hi đã vẽ, chớ chẳng phải khác. Khác chẳng là trong các quẻ đã thành lập, mà lại nhận thấy có một thứ đạo lý riêng biệt, cho nên đổi nghĩa của quẻ và khí của quẻ, mà phát minh điều vua Phục Hi chưa phát minh, chớ không phải cưỡng cầu bịa đặt.

Như Kiền là lão dương, tổ tông của các khí dương, là cha. Khôn là lão âm, chủ tể của các khí âm, là mẹ. Cha mẹ phối nhau, âm dương hiệp nhau, tức nhiên sanh ra con trai, con gái.

Cho nên khi Kiền] đi lại với Khôn⁹, gặp được cái vạch dưới (sơ hào) của Khôn, thì sanh ra Tốn = làm trưởng nữ (con gái lớn).

Khi Khôn đi lại với Kiền gặp được vạch dưới của Kiền, thì sanh ra Chấn⁰ làm trưởng nam (con trai lớn).

Khi Kiền đi lại với Khôn nữa, gặp được cái vạch giữa (trung hào) của Khôn, thì sanh ra Li p làm trung nữ (con gái giữa).

Khi Khôn đi lại với Kiền nữa, gặp được cái vạch giữa của Kiền thì sanh ra Khâm- làm trung nam (con trai giữa).

Khi Kiền đi lại với Khôn lần thứ ba, gặp được cái vạch trên (thượng hào) của Khôn, thì sanh ra Đoài [làm thiếu-nữ (con gái út).

Khi Khôn đi lại với Kiền lần thứ ba, gặp được cái vạch trên của Kiền, thành ra Cấn làm thiếu nam (con trai út).

Quẻ Kiền gặp được ba hào âm của Khôn, dương biến làm âm, bèn sanh ba gái. Quẻ Khôn gặp được ba hào dương của Kiền, âm biến làm dương, bèn sanh ba trai.

Trai, gái đã sanh, thì trai theo cha, gái theo mẹ. Kiền coi hết ba trai, ở hướng đông-bắc. Khôn coi hết ba gái, ở hướng tây-nam.

Kiền là lão phụ (cha già), ba hào khí chơn dương đã lọt vào tay của ba trai, nên kiện đức thâm liễm, phải ẩn núp cảnh tây-bắc là hướng rất lạnh.

Khôn là lão mẫu (mẹ già), ba hào khí chơn âm đã lọt về tay của ba gái, nên thuận tánh thất thường, phải dời qua cảnh tây-nam là nơi sát cơ (chỗ sát khí).

Li đặng cái vạch âm ở giữa của Khôn, âm nhốt trong dương, âm mượn sức dương mà phát ra sáng cho nên ở chánh-nam là hướng hỏa vượng.

Khâm đặng cái vạch dương ở giữa của Kiền, dương sa trong âm, dương lọt vào âm mà làm ra thủy triều (nước lớn ròng), cho nên ở chánh-bắc là hướng thủy vượng.

Chấn đặng cái vạch dương ở dưới của Kiền, hào dương đầu chủ về sanh trưởng, cho nên ở chánh-đông là hướng cây cỏ vượng.

Đoài đặng cái vạch âm ở trên của Khôn, hào âm cuối cùng chủ về tiêu hóa, cho nên ở chánh-tây là hướng Kim thuộc (các loài kim) vượng.

Cần đặng cái vạch dương ở trên của Kiền, hào dương cuối cùng chủ về tịnh dưỡng, nên ở đông-bắc là hướng khí dương yếu.

Tôn đặng cái vạch âm ở dưới của Khôn, hào âm đầu chủ về tiệm tiên, cho nên ở đông-nam là hướng khí dương thanh.

Kiền], Khảm -, Cần 0, Chấn o, thuộc về dương, tạo sanh muôn vật. Tôn =, Li p, Khôn 9, Đoài [, thuộc về âm, dưỡng thành muôn vật.

Cha, mẹ, trai, gái, tự nhiên phối hiệp với nhau, để vận hành khí của các quẻ.

64 quẻ hậu-thiên cũng sanh ra tại đây. 64 quẻ sanh rồi, thì có tạo, có hóa có sanh, có thành.

Tạo rồi lại hóa, hóa rồi lại tạo, sanh rồi lại thành, thành rồi lại sanh, khi kín, khi đầy, khi voi, không có lúc nào ngừng nghỉ. Đây là nói lúc sanh ra rồi, cho nên gọi là hậu-thiên.

Hậu-thiên là đạo thuận sanh, mà đạo nghịch vận cũng ẩn trong đó.

Quẻ Li vốn thuộc dương, mà trở lại làm gái, là ý nói: ngoài dương mà trong âm, âm ở ngôi giữa, tức là chơn âm.

Quẻ Khảm vốn là âm, mà trở lại làm trai, là ý nói, ngoài âm mà trong dương dương ở ngôi giữa tức là chơn dương.

Dương ở ngoài là dương hậu-thiên, âm ở trong là âm tiên-thiên. Âm ở ngoài là âm hậu-thiên, dương ở trong là dương tiên-thiên.

Tiên-thiên là chủ, hậu-thiên là khách. Khảm, Li gom lại, nước lửa trợ nhau, lạnh nóng có giờ, cho nên đủ sức thay thế cho Kiền Khôn mà vận hành Tạo-hóa.

Quẻ Chấn, âm nhiều dương ít, làm con trai, là ý nói: Chấn là khí dương vừa mới thăng, mà khí dương tăng thì đủ sức phá khí âm.

Quẻ Đoài, dương nhiều âm ít, làm con gái, là ý nói: Đoài là khí âm hiện phía ngoài, mà khí âm hiện thì đủ sức diệt khí dương. Chấn là sanh cơ, Đoài là sát cơ.

Kim, mộc hiệp nhau, cơ sanh sát thấy rõ ràng, cho nên đủ sức thay thế cho Kiền khôn mà đạt thành Tạo-hóa.

Kiền với Tôn giao mà chẳng hiệp, khôn với Cần giao mà không chánh.

Kiền là lão dương, khôn là lão âm, chẳng thể sanh dục.

Cần vừa giao tiếp với khí dương kia (của Kiền), Tôn chỉ thuận sanh khí âm nọ (của Khôn).

Cho nên theo ngôi hướng của tám quẻ thì Kiền, Khôn, Cần, Tôn ở bốn chèo góc, còn Khảm, Li, Chấn, Đoài ở bốn hướng chánh.

Đạo vận nghịch, thuận của hậu-thiên là môn học “*tận tánh, chí mạng*” của Thánh-Hiền, đều không ra ngoài chỗ đó.

Cái Bồn-lai (gốc gác) của con người, do âm dương hỗn hợp mà thành, tánh mạng chung một nhà, kiện thuận gồm đủ, rỗng là tiên-thiên. Khi nó giao với hậu-thiên, thì trong cái chơn lại có cái giả, giả nén cái chơn, kiện thể có hao, thuận thể bị hại, tánh mạng mới chia riêng hai chỗ.

Tới đây, cái đức kiện không hiện bày, tuy linh minh mà có chỗ sai lầm; nguơn thần mê muội, thì thức-thần chường mặt. Cái đức thuận không phải thiệt, tối tăm mà có chỗ nguy hiểm, nguơn-tinh ẩn tàng thì trực tinh phát sanh. Như trong bản-đồ:

Khảm Li ở ngôi trung chánh; còn Kiên dời về tây-bắc, Khôn đổi lại tây-nam, nên tinh thần hậu-thiên hành sự.

Động mà táo-bạo là khí-tánh phát, hòa mà phe đảng là vọng-tình sanh. Như trong bản-đồ.

Chấn ở chánh-đông, ngôi meo, dương biến làm âm; còn Đoài ở chánh-tây, ngôi đậu, hoà biến làm sát (giết hại).

Tinh, thần, tính, tình, biến huyễn, khí âm lần nhập mà tiền mãi, khí dương lần suy rồi tuyệt vọng. Như trong bản-đồ.

**Tốn ở đông-nam, là chỗ dương vượng,
Cấn ở đông-bắc, là cảnh dương tối.**

Ôi ! Hễ hậu-thiên phát rồi, âm lần lớn, dương lần tiêu, tiêu đến chừng nào sạch hết khí dương mới thôi.

Tại vậy mà trong bản-đồ có Kiên gặp Tốn thành quẻ Cấu; Khôn gặp Cấn thành quẻ Bác; Li ở trên, Khảm ở dưới thành Thủy-hỏa vị-tế; Chấn ở đông, Đoài ở tây thành Lôi-Trạch Qui-muội.

Cái đạo này là đạo Trời Đất tự nhiên thuận hành, khí dương lên tột độ thì phải sanh âm, khí âm lên tột độ thì phải chết. Thế thì con người ta cũng không biết làm sao được.

Chỉ có bực Thánh-nhơn có cái đạo nghịch vận, hay trộm được khí âm dương, đoạt Tạo-hóa, chuyển Kiên Khôn, vận khí cơ, trong chỗ hậu-thiên mà phản lại tiên-thiên, trong chỗ chết mà làm ra sống.

Cái đạo này ở đâu? Cũng không ra ngoài cái lý Bát-quái hậu-thiên. Trong bản-đồ: Khảm, Li, Chấn, Đoài ở bốn hướng chánh; Kiên, Khôn, Cấn, Tốn ở bốn chéo góc. Cái

máy thiên-cơ ẩn trong đó, nếu không có thầy truyền, thì khó mà biết được.

Một hào âm ở trong quẻ Li là Nhơn-tâm đó.

Một hào dương ở trong quẻ Khảm là Đạo-tâm đó.

Đạo-tâm vốn là khí dương của nhà Kiên, vì giao với hậu-thiên mà phải lọt vào cung Khôn, dương hãm trong âm, kiện mà hết kiện.

Nhơn-tâm vốn là khí âm của nhà Khôn, vì mất tiên-thiên mà phải lọt vào cung Kiên, âm giành ngôi dương, thuận mà không thuận.

Nếu ai giữ được trống lòng của mình (hư tâm) thì nhơn-tâm hóa; nhơn-tâm hóa thì âm thuận trở về cung khôn như xưa, lửa quày lại tánh chơn của nó.

Nếu ai hay giữ được dây bụng của mình (thật phúc), thì Đạo-tâm sanh; Đạo-tâm sanh thì dương kiện trở về cung Kiên như xưa, nước quày lại cội nguồn của nó.

**Đoài là kim, khách khí ở nhà người,
Chấn là mộc, chủ khí ở nhà ta.
Chấn vốn là dương, mà ở trong có âm,
Đoài vốn là âm, mà ở trong có dương.**

Chủ khí bị khách khí trộm thì hương đông trống, mà hương tây đầy. Nếu ở trong sự sát mà cầu sanh, khí “sát” biến làm khí “hòa”. Kim tình luyến mộc từ nhân, thì kim trở lại gốc của nó. Mộc tánh ái kim thuận nghĩa, thì mộc trở lại cội của nó.

Lấy Khảm đắp Li, thì đức kiện phục bổn mạng như xưa. Mượn Li rèn Khảm, thì đức thuận huồn bổn tánh như trước.

Dùng Chấn mà cầu Đoài, thì kiện động mà hay hoà thuận. Dùng Đoài mà cầu Chấn thì hòa thuận mà hay kiện động. Kiện và thuận như một, Kiên và Khôn chung hiệp, tứ tượng cùng hòa, **ngũ hành qui tụ**, thì tinh thần, hồn phách, ý của hậu-thiên trở về gốc chơn, ngũ đức ngũ nguơn hoàn toàn thành tựu, huòn nguyên phản bản, thì Kim-đơn lộ hình (xuất hiện)

Chánh là:

**Kiên Khôn giao cầu bải,
Nhứt điểm lạc Huỳnh-đình.**

Nghĩa là:

**Kiên Khôn giao cầu rồi,
Một giọt lọt Huỳnh-đình.**

(Một giọt là Đơn-nguơn, Huỳnh-đình là trung-ương).

Đơn mà lọt vào trung-ương, thì âm dương thành Nhứt khí, trở lại cái bốn-lai diện-mục của mẹ sanh thì cơ-sở mới đặng chắc chắn

Đây là chỗ gọi:

**Nhứt liệp Kim-đơn thân nhập phúc,
Thử tri ngã mạng bất do Thiên.**

Nghĩa là:

**Một hột Kim-đơn nuốt xuống bụng,
Mới tường bản mạng chẳng do Trời.**

Ôi! Kiện thuận một khi mất rồi, thì tánh mạng chia lìa ngũ hành loạn lạc. Kiện thuận vừa được phục lại, thì tánh mạng đoàn kết, ngũ hành qui tụ.

Cái đó đã mất thì chẳng có gì không mất; cái đó phục lại (trở về gốc), thì chẳng có gì không phục lại.

Cái đạo hữu-vi biến hóa theo hậu-thiên lớn lắm thay! Chỉ huòn nguyên phản bản Kiền Khôn chung hiệp, đó là

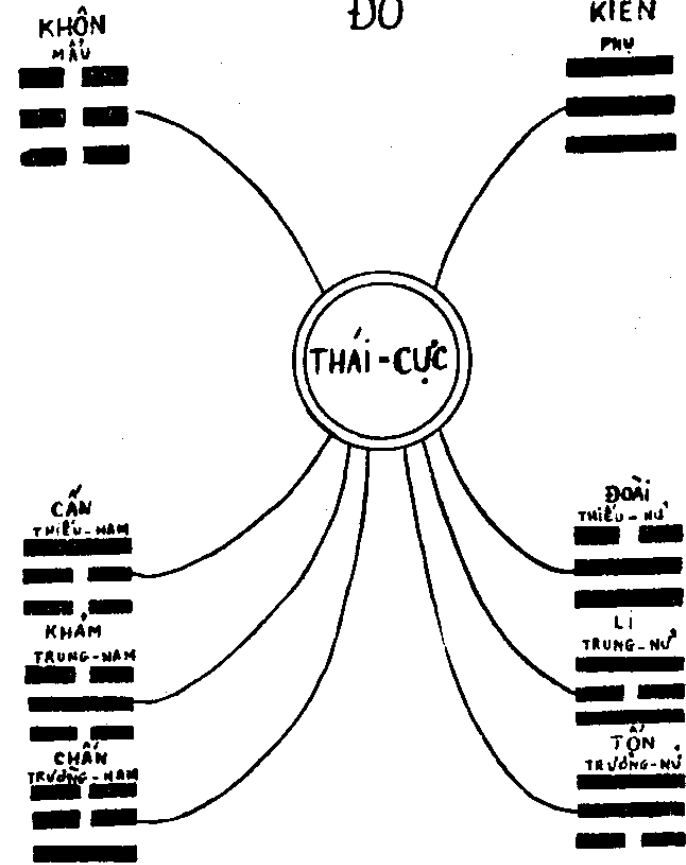
công phu phân nửa đầu làm trọn hết rồi, còn lại phân nửa sau chưa xong

Số là đạo tới Kiền Khôn chung hiệp, là mới đổi hậu-thiên lại thành tiên-thiên. *Đã đổi lại thành tiên-thiên, thì từ đây phải còn một phen lập đảnh lư nữa, đặt kèm-chuỳ ở chỗ khác, dùng cái đạo nghịch vận vô-vi, điên đảo Kiền Khôn.*

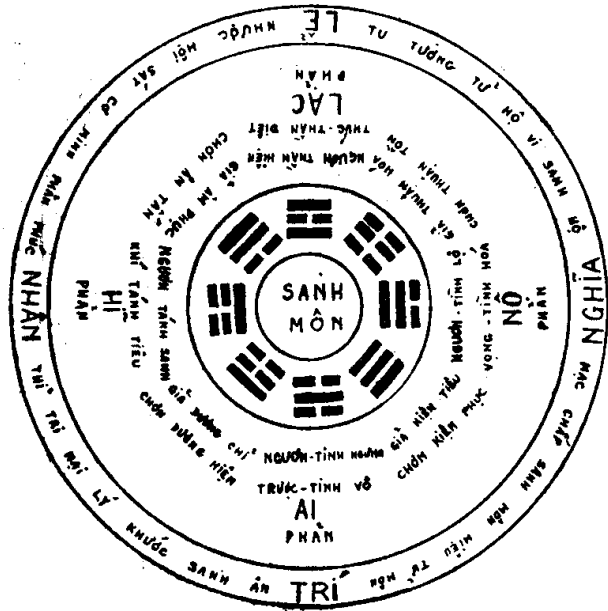
Kiên nghịch thối mà Khôn thuận sanh. Nên mượn sức âm để bảo toàn dương, vừa ôn, vừa dưỡng. Hãy dùng chơn hỏa tiên-thiên rèn nấu cho tiêu hết khí hậu-thiên âm trước trong cả thân thể, đúc thành một món Kim-cang bất hoại.

Vật này do chỗ Hư-vô mà lộ ra, nhập vào cảnh không hơi, không tiếng, huòn lại cái diện-mục chưa sanh thân ta về trước. Đặng vậy, mới là thiệt đại giải thoát, tiêu diêu tự tại trên từng Trời không cầu, không thúc.

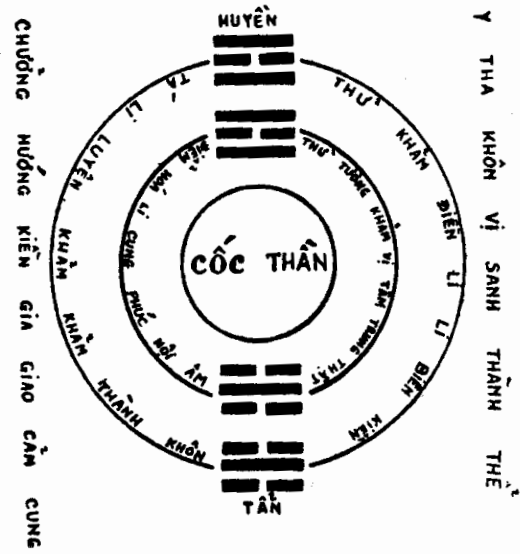
(17)
 VĂN - VƯƠNG SÁCH SANH BÁT QUÁI ĐỒ
 ĐỒ



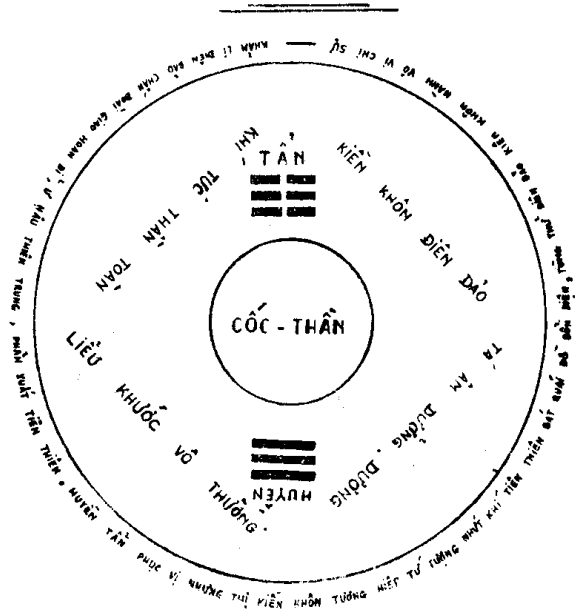
②0 HẬU - THIÊN NGHỊCH VẬN
 BIẾN HÓA ĐỒ



22
KHẨM LI ĐIỀN ĐÀO ĐỒ



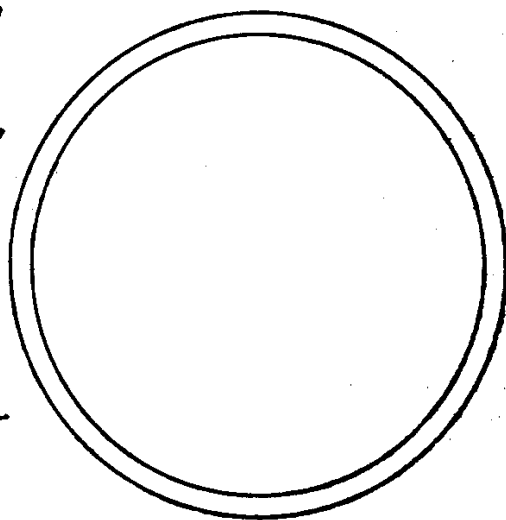
23 KIẾN KHÔN ĐIÊN ĐÀO ĐỒ



(24)

GIẢI THOÁT BÓN ĐIỆN

HÌNH THÂN CU ĐIỀU DƯ ĐẠO HIỆP CHƠN



HÌNH DƯƠNG HỒN HÓA TẠO MANG GIẢI LIỀU

VIÊN	ĐÀ	ĐÀ
QUANG	CHƯỚC	CHƯỚC
TÌNH	LỎA	LỎA
XÍCH	SÁI	SÁI

VII.- TIÊN HẬU BÁT QUÁI HIỆP NHỨT
(BÁT QUÁI TIÊN-THIÊN và HẬU-THIÊN HIỆP MỘT)

Tiên-thiên bát-quái là Nhứt khí tuần huòn²⁰ hoàn toàn Thiên-ly, phát ra do Thái-cực. Đây là nói về chơn-thể chưa phá (còn đồng-chơn).

Hậu-thiên bát quái là âm dương chia rẽ, có dữ, có lành biến động trong cơ Tạo-hóa. Đây là nói về chơn-thể đã hao (đã lậu tinh).

Lúc chơn-thể chưa phá là: “*Vị sanh xuất*”, thì phải tu vô-vi. Chỗ huyền diệu của vô-vi là trong cái nghịch mà đi thuận, đem dương tiên-thiên ngược về âm-tàng, dẫn âm hậu-thiên thuận cho tiêu-hóa, phục lại điện-mục “*Cha mẹ chưa sanh về trước*”, chẳng cho khí âm làm hại chơn thể.

Khi chơn-thể bị hại là: “*Dĩ sanh xuất*”, thì phải tu hữu-vi. Cái khiêu của hữu-vi là trong cái thuận mà dùng nghịch, thuận để thối hết âm hậu-thiên, trở ngược về dương tiên-thiên, phục lại cái điện-mục “*Ban sơ của mẹ sanh*” khiến khí dương huòn lại thành chơn-thể.

Nhưng trong tiên-thiên “*Vị sanh xuất*”, hơi còn có chỗ phân biệt; trong hậu-thiên “*Dĩ sanh xuất*” tự nhiên có chỗ phân biệt.

Trong lúc còn ở trong bào-thai, tiên-thiên âm dương ngũ hành chỉ là Một khí bao gồm, không thấy hình, thấy dấu chi được. Đó là “*Vị sanh xuất*”

²⁰ Tuần-huòn nghĩa là: xây tròn giáp một vòng, rồi cũng trở lại chỗ cũ.

Đến khi thân này đã sanh rồi, mà chưa giao với hậu-thiên, thì ta chẳng biết chẳng hay, y phép Thượng-đế, tốt lành không dữ.

Tuy là cái thân đó có tánh âm dương ngũ hành, mà chưa có chất âm dương ngũ hành, hoàn toàn là Một khí. Đây cũng là: "*Vị sanh xuất*".

Ở cảnh tiên-thiên, trong chỗ nghịch mà đi thuận, tức là trở ngược lại ẩn tàng trong tiên-thiên âm dương ngũ hành, mà phục lại cái khí bào-thai, thuận cho tiêu hóa khí âm hậu-thiên để giữ Một khí.

Lúc mới sanh thân, khí hậu-thiên âm dương ngũ hành nhập trong thân thể, hiệp với khí tiên-thiên âm dương. Trong khí tiên thiên, có lẫn lộn khí âm hậu-thiên. Tuy khí âm hậu-thiên chưa phát, mà hình tích đã lộ rồi, cũng như lành, dữ, mềm, cứng của con trẻ đều gốc ở tánh thành.

Nhưng hậu-thiên bị tiên-thiên gồm tri, ấy là "*tánh tương cận*" (nghĩa là tánh lành còn gần với nhau). Đó là "*Dĩ sanh xuất*".

Đến khi dương tiên-thiên mạnh lên tốt bực, giao với hậu-thiên, trí hay biết mở mang, thì cái linh khiêu bé lại, cái máy đó phát chạy, rất phóng túng, ngông cuồng. Đây cũng là "*Dĩ sanh xuất*".

Ở cảnh tiên-thiên, trong chỗ thuận mà dùng nghịch tức là thuận để thôi cho hết khí âm bị phá, phục lại chỗ chưa phát hồi ban sơ vừa sanh, đem ngược lại cái khí tiên-thiên trở về chỗ ban sơ vừa sanh đó.

Hễ dương kiện, âm thuận, thì thấy lại cái Bôn-lai diện-mục. Ấy là nguyên vật do hai khí tiên-thiên hậu-thiên hiệp thành. Rồi từ đây lập riêng cảnh Kiền Khôn, tạo đánh lư (lò, chảo) một lần nữa, làm cái Đạo tiên-thiên ở trong nghịch mà

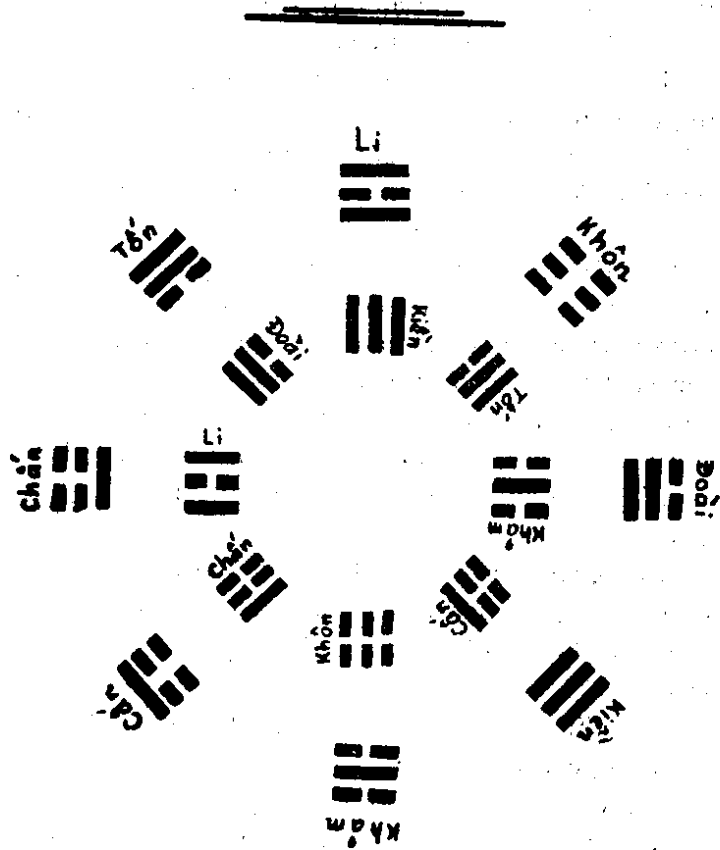
dùng thuận. Đó là phép "*Cửu huồn, thất phản, đại huồn đôn*²¹".

Bây giờ, hãy đem cái bản-đồ tiên-thiên, đặt trong bản-đồ hậu-thiên, khiến người nào chơn-thể chưa phá, làm Đạo tự nhiên vô-vi. Đó là lấy Đạo toàn hình (có giải nghĩa phía sau), trong nghịch dùng thuận, để tiêu-hóa cái âm hậu-thiên.

Còn cái chơn-thể đã hao rồi, thì làm đạo biến hóa hữu-vi, phải dùng phép diên mạng, trong thuận dùng nghịch, để trở lại khí dương tiên-thiên. Tiên và hậu hiệp làm một, dùng luôn cái có, cái không, cái huồn, thất phản, để trở về ngôi Đại-giác, thì việc tu Kim-đơn đã trọn xong.

²¹ Cửu là 9, số thành của kim; thất là 7, số thành của hỏa. Kim hỏa quay về, trở lại ngôi xưa, thì đạo Kim-đơn.

TIÊN , HẬU ²⁵ BÁT QUÁI
 HIỆP NHỨT ĐỒ



VIII.- ĐỒ THƠ TIÊN HẬU HIỆP NHỨT
 (HÀ-ĐỒ, LẠC-THƠ, TIÊN-THIÊN
 VÀ HẬU-THIÊN HIỆP NHỨT)

Hình của Hà-Đồ tròn, âm dương hiệp một, là đạo tự nhiên vô-vi. Hình của Lạc-thơ vuông, âm dương chia ngôi, là đạo biến hóa hữu-vi.

Hình của tiên-thiên tròn, âm dương chung Một khí, dùng nghịch mà toàn thuận, cũng là đạo tự nhiên vô-vi. Hình của hậu-thiên vuông, âm dương đã chia đôi, trong thuận lại dùng nghịch, cũng là đạo biến hoá hữu-vi.

Hà-đồ tiên-thiên chủ về việc: lấy Đạo toàn hình. Lạc-thơ hậu-thiên chủ về việc: Dùng phép diên mạng. Tiên-thiên và hậu-thiên là phần Hà-Đồ, Lạc-thơ, chú thích. Hà-Đồ và Lạc-thơ là số của tiên-thiên, hậu-thiên. Tiên-thiên, hậu-thiên là lý của Hà-Đồ, Lạc Thơ. Số nhờ lý mới đặng rõ ràng, lý nhờ số mới có căn-bổn.

Hà-Đồ, Lạc-thơ làm biểu lý (trong ngoài) lẫn cho nhau. Tiên-thiên, hậu-thiên cũng làm biểu lý lẫn cho nhau.

Không có Lạc-thơ, thì Hà Đồ không biến hóa, không có hậu-thiên, thì tiên thiên không trọn thành.

Hà-Đồ là bản-thể của Lạc-thơ. Lạc-thơ là công dụng của Hà-Đồ.

Tiên-thiên là bản thể của hậu-thiên. Hậu-thiên là công dụng của tiên-thiên.

Thể và dụng có đủ, lý và số gồm trọn, thì cái đạo song tu tánh mạng, chẳng còn chi là giấu giếm nữa.

Bây giờ, hãy bắt chước theo cái bản-đồ trong vuông ngoài tròn của Thiệu Tử mà đem đặt Hà-Đồ trong Lạc-thơ, tiên-thiên trong hậu-thiên.

Hà-Đồ, Lạc-thơ là một bản-đồ, tiên-thiên, hậu-thiên là một bản-đồ khác, thành ra hai bản-đồ trong vòng ngoài tròn. Lấy cái nghĩa biến hóa trong vòng ngoài tròn, lại đem bốn bản-đồ hiệp làm một đồ, để chỉ cái bản-đồ này là bản-đồ sống, cái lý là lý sống, chẳng đặng lấy bản-đồ mà nói bản-đồ, lấy quẻ mà nói quẻ.

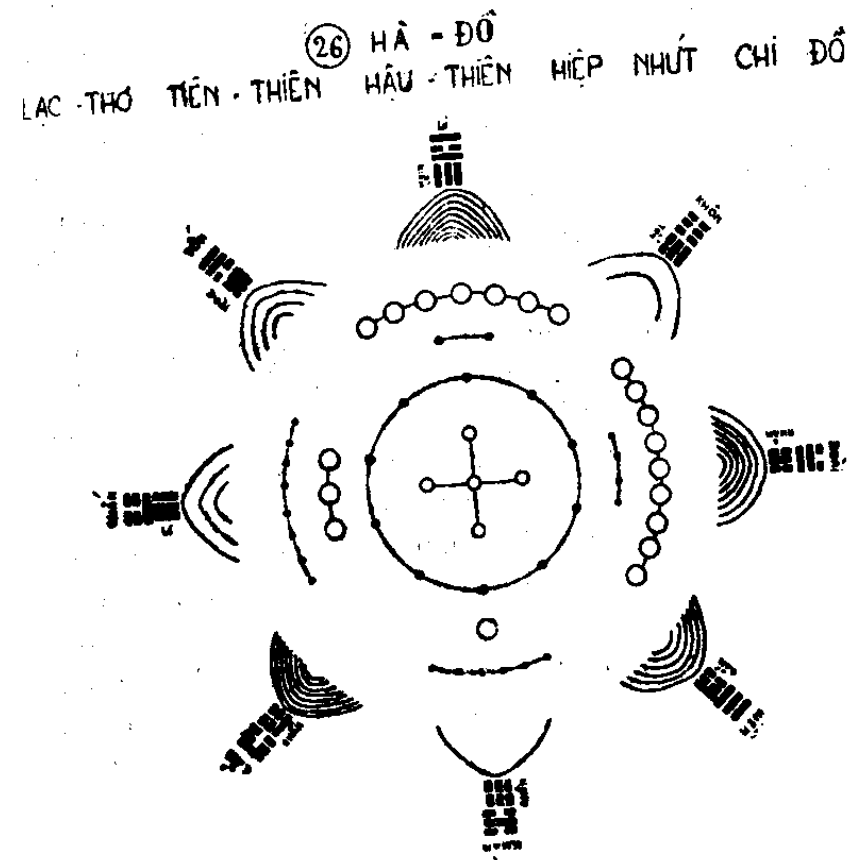
Lấy Đạo toàn hình là công phu trọn thành,, không thiếu hụt, đề phòng nguy hiểm. “*Thành chi*”²² là TÁNH vậy. Dùng phép diên mạng là đạo âm dương thố-tổng, phản bôn hườn nguyên, “*Minh chi*”²³ là GIÁO vậy.

Trong vòng ngoài tròn là : “*Tự thành mà minh*”, tu vô-vi mà bỏ hữu-vi. Còn ngoài vòng trong tròn là “*Tự minh mà thành*”, tu hữu-vi để qua vô-vi. Tu vô-vi thì liễu tánh, tu hữu-vi thì liễu mạng. Liễu tánh là để thành công phu tiên-thiên. Liễu mạng là đổi hậu-thiên ra tiên-thiên.

Tiên-thiên toàn, hậu-thiên hóa, có và không bất luận, tánh và mạng đều xong, thì hiện ra cái diện mục hồi cha mẹ chưa sanh, lộ rõ chân tướng lúc vô tử, ngũ hành không đi tới đó được (không xen lẫn được).

Hà-Đồ và Lạc-thơ, bát quái tiên-thiên và hậu-thiên, chỉ có một lý quán xuyên tất cả, hoàn toàn là Thái-cực. Tới đó muôn hình tượng đều ra không, âm dương cả hai hiệp hóa, không tiếng, không hơi, thiệt là tột bực.

²² & ²³ Nói “*thành*”, nói “*minh* là tự nhiên thành minh. Còn nói “*thành chi*”, “*minh chi*” là phải gắng sức mới đạt tới thành minh.



X.- TRUNG ĐỒ

Nho giáo nói: “*Chấp trung*”, Đạo giáo nói: “*Thủ trung*”, Thích giáo nói: “*Hu trung*”. Chữ Trung là tâm pháp của Thánh-nhơn trong Tam-giáo, đề tu tánh mạng mới thành Đại-Đạo.

Ngàn kinh, muôn điển lặp đi lặp lại, chỉ nói có một chữ này. Theo triện văn (một thứ chữ xưa hình vuông), chữ Trung Φ do O (một vòng tròn) và | (một số đứng) hiệp lại mà thành.

Ở trong thân người, nó là cái tánh luân lý đạo đức, là vật tốt lành không dữ, cục sáng không tối. Chỗ người ta gọi khí tiên-thiên Chơn-nhứt, tức là nó vậy, ở giữa O (vòng tròn) có 1 (một số), nghĩa là hoàn toàn Thiên-lý Một khí xuống lên, lưu hành chẳng ngớt.

Một số 1 ở giữa trung tim vòng tròn O, bên trái là dương, bên hữu là âm, tức là cái dấu riêng của Một khí lên xuống trong Hà-Đồ. Bên trái dương, bên mặt âm.

Tiết Đạo Quang nói:

*Hữu vật tiên thiên địa,
Vô danh bản tịch liêu.
Năng vi vạn tượng chủ,
Bất trực tứ thời điều.*

Nghĩa là:

*Có một vật kia trước Đất Trời,
Không tên vốn thiệt bất tầm hơi.*

*Cầm quyền chủ-tể sanh muôn vật,
Tám tiết tro tro chẳng đổi đời.*

Trơ tro chẳng đổi đời tức là vòng tròn ○
Làm chủ-tể muôn vật tức là một số |

Cái đó tốt không mà ngậm tốt có, tốt trống mà ngậm tốt đầy, cho nên gọi là Trung.

Chữ Trung này không chênh không lệch, không trước không sau, không trái không mặt, không đầu không đuôi, chẳng phải có, chẳng phải không có, chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, trống mà tròn, không độ lượng được, không dạng bóng, mà hay làm chủ muôn dạng bóng, không có hình mà hay tạo hóa vật có hình, sanh Trời, sanh Đất, sanh Người vật. Ở trong thân người chẳng phải là tứ đại hiệp thành thân thể.

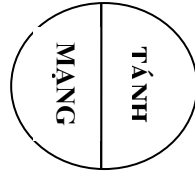
Nó cũng chẳng phải thứ Trung lấy nghĩa trong (trung ương) đối với ngoài, không chỗ, không hướng, không định ngôi. Ta dòm thì không thấy nó, ta lắng thì không nghe nó, ta sờ thì không đụng nó.

Người xưa lấy lý mà suy, rồi vẽ một cái hình tương tự, gắng gượng mà đặt tên cho nó, gọi là: *Thập-tự nhai*, *Tứ-hội điền*, *Thông-cù lộ*, *Mô-kỹ môn*, *Huyền-tân môn*, *Huyền-quang khiếu*, *Sanh-sát xá*, *Hình-đức môn*, *Sanh-tử quan*, *Âm-dương hộ*, *Tánh-mạng khiếu*, *Thiên-địa căn*, *Nhơn-thú quan*, *Huyền-thai đánh*, *Tạo-hóa lục*, danh hiệu biết bao nhiêu mà kể, nhưng tóm lại có thể gọi chung một chữ là Trung.

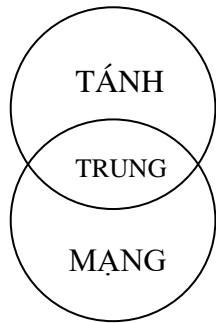
Trung là gốc lớn của thiên hạ. Từ xưa đến nay, Thánh, Hiền, Tiên, Phật, đều do một chữ Trung ấy mà ra.

Cái lớn của nó, không có chi lọt ra ngoài; cái nhỏ của nó, không có chi xen vào trong. Hễ phóng nó ra, thì nó tràn đầy sáu hướng; còn thu nó lại, thì nó rút ẩn nơi kín. Ai biết được nó thì lập tức về cõi Thánh, ai không biết nó thì muôn kiếp chịu trầm luân.

Ngôi Trung này là cõi của tánh mạng. Ở cảnh tiên-thiên, tánh mạng chỉ có một, hiệp làm Ngôi Trung.....



Ở cảnh hậu-thiên, ngôi trung chia ra làm hai tánh và mạng.....



Kỳ thiết, trong hậu-thiên phản lại tiên-thiên, tu tánh trọn rồi, mạng cũng ngưng tụ. Tánh mạng trở về cõi, huồn lại ngôi Trung như xưa.

Lão Tử nói: “Cốc-thần bất tử, thị vị Huyền-tần; Huyền-tần chi môn, thị vị Thiên Địa căn”. Nghĩa là: Cốc-thần chẳng chết, thì gọi là cửa Huyền-tần; cửa Huyền-tần thì gọi là gốc sanh Trời Đất.

Tử Dương nói: “Yếu đắc Cốc-thần trường bất tử, tu bằng Huyền-tần lập căn cơ”. Nghĩa là: Muốn đặng Cốc-thần trường chẳng chết, thì phải dùng Huyền-tần (âm dương để làm nền).

Cốc-thần tức là ngôi trung: Huyền-tần tức là âm dương, là tánh mạng. Cốc-thần chẳng chết là ngôi Trung ngâm chứa tánh mạng. Huyền-tần làm nền là tánh mạng hiệp huồn thành ngôi Trung.

Giữ ngôi Trung này là Thánh-nhơn, mất ngôi Trung này là phàm-nhơn. Thánh khác với phàm, chỉ tại khoản còn, hay mất ngôi Trung đó mà thôi.

Hết thầy những kẻ phàm-phu, bị khí-chất buộc ràng, bị tập nhiễm lem luốt, nên tánh mạng chia hai nơi mà ở riêng.

Ngôi Trung có chỗ hao kém, càng ngày càng hao kém, thì tánh rối loạn, mạng động lay, thần hôn ám, khí trực như làm cho ngôi Trung tán mất. Ngôi trung đã mất, tánh mạng không gốc, hình tuy động, chớ thần đã tan thì sao cho bền bỉ được?

Thánh-nhơn trong Tam giáo, lấy ngôi Trung làm gốc, là ý muốn người ta nắm giữ ngôi Trung ấy, để bảo toàn được tánh mạng mà thôi.

Một chữ Trung này, sau như trước, là việc quan trọng nhứt cho kẻ tu hành:

Trúc-cơ tại đó, *thể-duyệt* tại đó, *phanh-luyện* tại đó, *ôn-duỡng* tại đó, *tiền-dương* tại đó, *thối-âm* tại đó, *kết-đơn* tại đó, **thoát-đơn** tại đó. trong phép thất phản cửu huồn, chẳng có một việc gì mà không ở tại đó.

Nhưng chữ Trung này, người không dễ thấy, cũng không dễ biết. Chẳng khá dùng hữu tâm mà cầu, chẳng khá lấy vô tâm mà giữ.

Hữu tâm mà cầu nó, thì ngã về nẻo sắc-tướng; vô tâm mà gò nó, thì đoạ vào chỗ lạng-không. Cả hai chẳng phải là Trung-đạo, là ngôi Trung chơn chánh.

Nó chẳng phải có, chẳng phải không mà tức²⁴ có, tức không. Nó chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà tức sắc, tức không.

Nó chẳng chênh lệch theo mặt nào. Phải cầu nó trong cảnh hoảng-hốt, phải tìm nó trong chỗ yếu-minh, mới là mong gặp nó được.

Thiên hạ học Đạo mà chẳng biết chữ Trung này là vật gì: hoặc gọi là huyết Huỳnh-đỉnh, hoặc gọi là huyết Thiên-cốc; hoặc gọi là huyết Bá-hội; hoặc gọi là Giáng-cung, hoặc gọi là Minh-đường, hoặc gọi là Yết-hầu, hoặc gọi là khoảng giữa hai thân.

Họ nắm giữ huyết khiêu ở trong huyệt thân, mà gọi là “*Bảo trung thủ nhứt*”. Họ mong đặng trường sanh, mà chẳng những không đặng số lâu, lại còn chết gấp là khác. Buồn thay!

Nho giáo nói: “*Hỉ, nô, ai, lạc chi vị phát, vị chi Trung*” (mừng, giận buồn, vui chưa phát ra gọi là Trung). Lại nói: “*Bất thiên bất ý vị chi Trung*” (chẳng chênh lệch, chẳng dựa nương gọi là Trung).

Đạo giáo nói: “*Tiền huyền chi hậu, hậu huyền tiền; được vị bình bình, khí tượng tuyên (toàn)*”. Nghĩa là: Tiền huyền (là trăng mùng 8) về sau, hậu huyền là trăng 23 về trước), trong lúc đó mùi thuốc bình bình (vừa phải) thì khí

²⁴ Chữ tức này nghĩa là: không ra ngoài, như có mộ. Ý nói: chẳng phải có, mà không ra ngoài cái có. Chẳng phải không, mà không ra ngoài cái không.

tượng toàn vẹn. Lại nói: “*Âm dương đắc loại qui giao cảm, nhị bát tương đương tự hiệp thân*”. Nghĩa là Âm dương gặp đồng loại (tiên-thiên như nhau) thì giao cảm, hai bên đủ tám cân bằng nhau thì tự nhiên mến nhau, hiệp nhau.

Thích giáo nói: “*Ngô hữu nhứt vật, thượng trụ Thiên, hạ trụ Địa, vô đầu vô vĩ, vô bối vô diện*” nghĩa là: ta có một vật, trên chổng Trời, dưới chỏi Đất, không đầu không đuôi, không trái không mặt. Lại nói: “*Xá-lị tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc*”. Nghĩa là: Nay Xá-lị tử! Sắc-tướng chẳng khác Chơn-không, Chơn-không chẳng khác sắc-tướng, sắc-tướng tức là Chơn-không, Chơn-không tức là sắc-tướng (Sắc-tướng và Chơn-không chỉ là hai phương diện của một vật, chớ không phải riêng biệt nhau). Những câu nói như vậy đó, đều chỉ chỗ thiệt xứ của ngôi Trung.

Nếu có người để ý tới mấy chỗ này, hết lòng nghiên cứu, tự chánh với các bực chơn-su, nhận cho ra ngôi Trung chơn chánh, đem cây thiên-trượng xỏ vô lỗ mũi con trâu, thì lập tức lên bờ bên kia, mà chẳng hao một tí lực lượng nào cả. Rồi từ đây tiến thẳng trên con đường cái, chậm rãi mà bước, rốt cuộc có ngày tới nhà (gốc Đạo).

Kinh nói: “*Đắc kỳ nhứt, vạn sự tất*”. Nghĩa là: Đặng ngôi Nhứt rồi (ám chỉ ngôi Trung) thì việc chi cũng xong. Có phải là lời phỉnh gạt ai đâu!

27 TRUNG ĐỒ

THẬP - TỰ NHAI
TỬ - HỘI ĐIỆN
THÔNG - CỬ LỘ

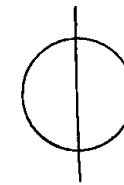
HÌNH - ĐỨC MÔN
SINH - TỬ QUAM

ÂM - DƯƠNG HỘ
TẢN - MANG KHIẾU
THIÊN - ĐỊA CĂN

ĐƠN . NÓ KHÔNG THẤY,
LÒNG NÓ KHÔNG NGHE,
MẮM NÓ KHÔNG ĐĂNG.

CHỈ LINH CHỈ THÀNH
CHỈ THÂN

MỒ - KÝ MÔN



NHƠN - THÚ QUAM

HUYỀN - TÂM MÔN
HUYỀN - QUAN KHIẾU
SINH - SÁT XÁ

KHỦ - VÔ ĐỊA
HỮ - LINH KHIẾU

TAO - HÓA LƯ
HUYỀN - THAI ĐÀNH
CHỨNG - ĐIỀU MÔN

NGHĨ NÓ THÌ HỎNG,
ĐÀN NÓ THÌ SAI,
TÌM NÓ THÌ KHÔNG CÓ

SINH THIÊN SINH ĐỊA
SINH NHƠN

X.-KIM ĐƠN ĐỒ

Sách Ngô Chơn nói rằng:

*Đạo tại Hư-vô sanh Nhứt khí,
Tiện tùng Nhứt khí sản âm dương.
Âm dương tái hợp thành tam thể,
Tam thể trùng sanh vạn vật trường.*

Nghĩa là:

*Đạo ở Hư-vô sanh một khí,
Rồi do một khí, rẽ âm dương.
Âm dương hiệp lại, thể (thứ) ba hiện,
Cứ hiện thứ ba, vật phát trường.*

Chỗ gọi Hư-vô Nhứt khí đây là cội Trời Đất, là nguồn âm dương, là tổ muôn vật, tức là Kim-đơn đó.

Kẻ thế không rõ Kim-đơn là việc gì, là vật chi, nên độ chừng nó ở trong thân thể có hình, có dạng của ta đây. Hoặc tưởng nó là loài kim, loài đá luyện thành; hoặc tưởng nó là khí huyết của con trai, con gái kết nên; hoặc tưởng nó là cái tâm giao cùng cái thận mà độn kết lại; hoặc tưởng nó là do tinh thân qui tụ mà có; hoặc cho nó ở tại Đơn-điền, Khí-hải; hoặc cho nó ở Huỳnh-đỉnh, Nê-hoàn; hoặc cho nó ở Minh-đường, Ngọc-châm; hoặc cho nó khoảng giữa hai thận.

Những điều sai lầm như thế, không sao kể xiết, đều là chuyện đưa gạch mà gạt là ngói, nhìn giả mà gọi là chơn.


Cho nên nói: người học Đạo như lông trâu, còn kẻ thành Đạo như sừng lân là vậy (Lân chỉ có một sừng).

Kim có nghĩa bền bỉ, chẳng hoại (như ngọc Kim cương).

Đơn có nghĩa sáng suốt, không tối (hình chữ đơn như chữ minh do hai chữ bộ nhựt và bộ nguyệt hiệp thành)

Sao mà chẳng biết Kim-đơn, tức là cái khí Bon-lai tiên-thiên Chơn-nhứt vậy kìa! Cái khí nhờ lửa trui rèn rồi, thì dầu trải muôn nghìn kiếp cũng không hoại, cho nên gọi là KIM-ĐƠN.

Thứ đơn này tốt không mà ngậm tốt có, tốt trông mà ngậm tốt đầy, không hình, không dạng. Bồn-thể của nó ở trước Trời, còn sau Trời là công dụng của nó.

Chẳng thể lấy trí biết mà biết nó, lấy sức hiểu mà hiểu nó, càng nghĩ càng sai, càng bàn càng trật. Người xưa gắng gượng vẽ ra hình  gắng gượng đặt tên là Đạo, Hư-vô, tiên-thiên Nhứt-khí, Vô-cực, Thái-cực. Người ta gọi: Đạo, chỉ là một cái tên mà không tên, gọi: Hư-vô, Vô-cực, là nói về lúc chưa sanh vật gọi: Thái-cực, Nhứt-khí, là nói về lúc vừa sanh vật.

Kỳ thiệt, Hư-vô, Vô-cực, Thái-cực, Nhứt-khí, đều chỉ là một việc, một vật là Đạo mà thôi, chớ không phải hai việc, hai vật khác nhau. Cái việc cái vật này là Kim-đơn, ở trong Hà-Đồ Lạc-thơ, tức là Một điểm ở trong số 5 tại giữa.

Theo tiên-thiên, hậu-thiên nó là cái khiêu ở giữa hai khí âm dương đương hiệp cùng nhau. Cái khiêu này người đều sẵn có, ai ai cũng trọn đủ: Chẳng phải ở bực thánh mà thêm, chẳng phải ở người phàm mà bớt. Chỉ vì con người bị khí chất buộc ràng, tập quán lem luốt, nên thuận theo khí âm

hậu-thiên mà quên Tông-tổ, trôi nổi mà quên trở về, chẳng còn biết đâu là bờ bến.

Từ xưa, những bậc Thánh-hiền từ-bi độ thế, bày ra đạo hữu vi Kim-đơn, để thức tỉnh người đời. Đó là muôn cho mọi người đều biết trở về gốc để phục mạng (qui căn phục mạng), đem cái vật buổi ban sơ kia trở về chỗ cũ mà thôi.

Cái phương pháp này có hai đoạn:

1. là hữu-vi,

2. là vô-vi. Vô-vi, tức là cái Nhứt khí hồn nhiên (không xen lộn chi khác) của âm dương cùng hiệp trong Hà-Đồ, của âm dương cùng giao trong tiên-thiên đồ.

Hữu-vi, tức là cái lý lưỡng nghi biến hóa của âm dương, loạn động trong Lạc-thơ, của âm dương sanh khắc trong hậu-thiên đồ.

Người bậc thượng trí hành đạo vô-vi, để ôn dưỡng cái này O. Còn kẻ bậc trung, bậc hạ hành đạo hữu vi theo chỗ không mà giữ cái có, để phục lại cái này O.

Kỳ thiết, cái này đến lúc phục lại được rồi, thì qui về vô-vi như trước. Vô-vi đến mức cuối cùng của nó, thì có một điểm tròn vìn, sáng rỡ, sạch tốt, đỏ tươi, chắc chắn, vững vàng, lâu dài không hoại, vọt khỏi ngũ hành, ra ngoài âm dương, thì mạng ta do ta cầm chẳng còn do Trời nữa.

Nhưng Đại-Đạo của Thánh-Hiền, môn học: “cùng lý, tận tánh, chí mạng” có công trình, có thứ tự, có văn phanh, có võ luyện, có gấp hướn, có trước sau, có lúc đủ thì phải nghỉ, ... Nếu sai một mảy lông, thì lạc xa ngàn dặm.

Vậy muốn là Đạo, thì trước phải học cho biết. Biết một phần thì làm một phần, biết mười phần thì làm mười phần.

Kẻ thế gian còn mê muội, gắng gượng hành động trên cái bịch da đưng đồ thúì (khu-xác hữu-hình) mà gọi là tu trì tánh mạng.

Đó chẳng phải tu dương tánh mạng, mà là phá hoại tánh mạng. Tánh mạng còn không biết, mà vọng tưởng trường-sanh, có phải là ngu dại không?

Mạng là tiên-thiên chánh khí, tánh là tiên-thiên nguơn-thần. Mạng thuộc dương, tánh thuộc âm. Tánh mạng hiệp nhau, âm dương chung một, ấy là Kim-đơn. Kim-đơn là tên riêng của tánh mạng kết tụ trong chỗ Hư-vô, chớ không phải là một vật do thân thể con người sản xuất.

Chẳng biết tánh mạng là gì, thì làm sao tu trì tánh mạng được? Chẳng biết Kim-đơn là chi, thì làm sao đoàn kết Kim-đơn được? Cho nên cái công-phu “cùng lý” cần phải lo đầu tiên.

Nếu quả thiệt tìm thấy chỗ ảo diệu của Hà-Đồ, Lạc-thơ và cơ bí mật của tiên thiên, hậu-thiên, thì vũ-trụ ở trong lòng bàn tay ta, muôn việc hóa sanh ở trong thân thể ta, nơi cõi đất này (đại địa), Huỳnh-nha nảy lớn cùng khắp Kiền Khôn, Kim-hoa nở hoát, mỗi lần bước, mỗi lần chạy (mỗi cử chi) đều là Đại Đạo.

Khi qui tụ ngũ hành, hòa hiệp âm dương, phục lại cái Bồn-lai diện mục của ta lúc mới sanh, Kim-đơn kết thì công phu hậu-thiên hữu-vi theo Lạc thơ đã xong.

Rồi lại còn tu thêm phép ôn dưỡng, cho trọn cái đạo tiên-thiên vô-vi theo Hà-Đồ, để phục lại cái diện-mục của cha mẹ ta chưa sanh ta về trước. Phải đánh phá Hư-không cho tới chỗ không hơi, không tiếng (vô thanh, vô xứ), thì bồn phận của người Đại trượng-phu mới trọn vẹn.

Ôi! Tánh do nơi mỗi người tìm hiểu, còn mạng thì cậy phải có thầy truyền. Nếu ai chẳng đặng khẩu-quyết, mà cưỡng nghĩ bàn thì cũng vô ích thôi.

② KIM - ĐƠN ĐỒ

Hữu vật liên Thiên Địa,
 Vô danh bản tịch liêu.
 Năng vi vạn lượng chủ,
 Bất trọc tú thời diêu.

Vô - Cực

Tánh

ĐƠN

Mạng

Thái - Cực

Hư - vô

Nhưí Khí

Đông hành, đông toa, hựu đông miên.
 Hoảng - hốt, yếu - minh, tai diện tiên.
 Nhân đắc, thâu qui lư nội luyện,
 Công hoàn thập ngoạt, hóa Kim - thiên.

XI.- ĐẢNH LƯ, DƯỢC-VẬT, HỎA-HẬU TOÀN ĐỒ

Đạo Kim-đơn hữu-vi tức là đạo Tiên-thiên biến dịch.

Đạo biến dịch lấy Kiên Khôn làm Bôn-thê, lấy Khảm

Li làm công dụng, lấy quẻ Truân#, quẻ Mông S.... 60 quẻ làm khí-hậu. Đó là khí lưu hành đi giáp vòng rồi, trở lại y chỗ cũ (*châu nhi phục thi*).

Đạo Kim-đơn lấy Kiên Khôn làm đánh lư, lấy Khảm Li làm dược-vật, lấy Truân Mông.... 60 quẻ làm hỏa-hậu. Đó là hai khí âm dương luân phiên vận chuyển: âm rồi dương, dương rồi âm, mà cũng là Một khí lưu hành.

Cuốn Tham Đồng Khê tiên chú của Từ Chơn Nhơn soạn nói rằng: “Kiên Khôn là nhà cửa Dịch Học, là cha mẹ của các quẻ. Còn Khảm Li như vòng lớn bao vây bề ngoài. Kiên Khôn tịnh tử như chánh trực, Khảm Ly động tử như tum xe. Bôn quẻ tần mầu (âm dương) là thác-dược (ông bề thông khí) bao trùm cả đạo âm dương”.

Lại nói: “Mỗi tháng có 5, 6 (5 lần 6 là 30 ngày); đường kinh đường vĩ (quái tượng theo mặt Nhật điều khiển cộng chung là 60. Cang nhu có trong, có ngoài. Ngày sớm mai mông một, quẻ Truân trị sự; tới chiều tối quẻ Mông mới lãnh việc. Ngày đêm hiệp thành hai quẻ, dùng nó phải theo thứ tự. Ký-tếE, Vĩ-tếH tới hết tối lại sáng, rồi cuộc cũng trở lại ban sơ. Mặt Nhật, mặt Nguyệt, làm chừng mực, động tịnh có sớm chiều.

“Mùa xuân, mùa hạ, hãy căn cứ vào nội thể, từ giờ tí cho tới thìn tị, mùa thu, mùa đông, thì công-dụng phải ở ngoài, từ giờ ngọ cho tới tuất hợi

Thường phạt ứng với xuân thu, sáng tối thuận theo lạnh nóng, trong hào từ có nhân nghĩa, tùy thời mà phát hi nộ. Ứng theo bốn mùa như vậy, thì mới đúng lý của ngũ hành.”

Đây là nói Đạo Kim-đơn chẳng ra ngoài đạo biến dịch. Còn đạo biến dịch chẳng ra ngoài đạo Tạo-hóa của Trời Đất, nhật nguyệt âm dương.

Người thường lấy cang kiện làm Đánh, nhu thuận là Lư, thì Kiên Khôn, đánh lư đã lập rồi. Người hay giữ nhơn-tâm được trông, thì linh-tánh không mê, phát khởi Đạo-Tâm. Hễ chánh khí thường gìn giữ, thì Khảm Li, dược-vật đã dặng rồi.

Đánh lư đã lập, dược-vật đã dặng, tự nhiên y theo Trời Đất, noi theo nhật nguyệt: Hễ đáng cang kiện thì cang kiện hẳn, mà cang kiện phải qui về trung chánh, Còn đáng nhu thuận thì nhu thuận ngay, mà nhu thuận phải qui về trung chánh.

Nhân nghĩa đồng hành, động tịnh như một, ngày tự cường (Kiên), đêm nôm nớp (tích), công-phu chớ thiếu sót, đi cặp với thời tiết, tùy cơ mà ứng biến, tức là dùng bốn quẻ Kiên, Khôn, Khảm, Li làm ông bề đó.

Khởi đầu ở Truân# Môngs, rút dứt nơi Ký-tế E, Vĩ-tếh, tức là thường phạt ứng với xuân thu, sáng tối thuận theo lạnh nóng, trong hào từ có nhân nghĩa, tùy thời mà phát hi nộ.

Một bộ Dịch-lý nằm trong tác lòng của ta, thì có lo gì Đại Đạo không thành, tánh mạng chẳng tu xong vậy.

Từ Dương Ông nói rằng:

Tiên bả Kiên Khôn vi đánh khí,

*Thứ đoàn ô thổ dược lai phanh.
Ký xu nhị vật qui Huỳnh-đạo,
Tranh đắc Kim-đơn bất phát sanh?*

Nghĩa là:

*Trước dụng Kiền Khôn làm cái Đánh,
Kế đem quạ thổ thuốc chưng phanh.
Để xua hai vật về Huỳnh-đạo,
Không lẽ Kim-đơn chẳng phát sanh?*

Bài thi này tiết lộ hết cái bí-pháp Thiên-cơ của phép luyện đơn, không còn chi giấu giếm nữa.

Nay lập cái bản-đồ chung cho: đánh lư, dược-vật, hỏa hậu, lấy quẻ Kiền ở trên làm đánh, lấy quẻ Khôn ở dưới làm lư, hai quẻ Khảm Li ở giữa làm dược-vật.

Bốn quẻ sắp để phía ngoài, là tượng hình ống bễ của âm dương. Còn kỳ dư là 60 quẻ, khởi từ quẻ Truân, Mông, dứt ở quẻ Ký-tế, Vị-tế, sắp để phía trong, là tượng hình hỏa-hậu buổi moi buổi chiều.

Truân# là dương khí động ở trong âm khí,

Môngh là dương khí hãm ở trong âm khí.

Ký-tế Enghĩa là âm dương đã hiệp trợ nhau,

Vị-tế hngĩa là âm dương chưa giao tiếp nhau.

Khi dương khí mới động thì phò dương, cho nên phải tiến dương-hỏa, là công-phu buổi moi.

Khi dương khí bị hãm thì dưỡng dương, cho nên vận âm-phù, là công-phu buổi chiều.

Ký-tế là âm dương đã hiệp, thì phải tùy thời mà giữ hai bên hiệp. Giữ hai bên hiệp là mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương.

Vị-tế là âm dương chưa giao, thì phải chờ thời mà giúp hai bên giao. Giúp hai bên giao là mượn khí dương để bổ trợ khí âm.

Mượn khí dương để bổ trợ khí âm tức là tiên dương hỏa, từ quẻ Truân cho tới quẻ Ký-tế, cộng là 30 quẻ, cốt để đạt tới Ký-tế.

Mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương tức là vận âm-phù, từ quẻ Mông cho tới quẻ Vị-tế, cộng là 30 quẻ, cốt để phòng ngừa bất tế.

Khởi ở quẻ Truân, quẻ Mông; dứt ở quẻ Ký-tế, quẻ Vị-tế. Kỳ dư 56 quẻ giữa đều là công việc của âm-phù, dương-hỏa cả. Hãy loại suy thì rõ.

Nhưng chỗ diệu dụng của các quẻ đều ở tại Khảm Li, âm dương kiện thuận, mà qui về trung chánh đó thôi.

Kiện thuận mà trung chánh, thì trước là Truân, Mông, sau là Ký-tế, Vị-tế, đều là hành động tự nhiên như vậy, chẳng chút chi gắng gượng cả.

Nghĩa là:

Một hột Kim-đơn nuốt xuống bụng,
Mới hay Bồn-mạng chẳng đo Trời.

Rồi tu thêm một từng công-phu tới nữa, luyện thần huồn hư, đánh phá Hư-không, đem cái Chơn-thân xuất ra ngoài, đòi đòi chẳng hư hoại. Đó là chỗ gọi:

Thánh nhi bất khả chi tri, chi vị Thân.

Đặng vậy thì đã tới cảnh:

*Hình thân đều đặng huyền diệu,
Cùng Đạo hiệp một lẽ chơn.*

Nay vẽ ra bản-đồ chung cho lục dương, lục âm, dương-hỏa, âm-phù thì dùng 12 quẻ là:

- | | |
|---------------------------|----------------------|
| 1. Địa lôi phục ! | 7. Thiên-phong cầu , |
| 2. Địa-trạch lâm A | 8. Thiên-son độn 1 |
| 3. Địa-thiên thái Z | 9. Thiên-địa bĩ 8 |
| 4. Lôi-thiên đại-tráng \$ | 10. Phong địa quan 4 |
| 5. Trạch-thiên khoải M | 11. Sơn-địa bác 2 |
| 6. Kiên vi thiên < | 12. Khôn vi địa 1 |

Thì sắp để phía ngoài. Còn kỳ dư 52 quẻ khác, thì sắp để vào trong. Tuy thấy có 64 quẻ, chớ rút lại chỉ có 12 quẻ gồm trị hết.

Theo quẻ Phục có một hào dương tiến, thì những quẻ khác, có một vạch dương cũng đều ở trong đó. Theo quẻ Lâm có hai hào dương tiến, thì những quẻ khác có hai vạch

dương cũng đều ở trong đó. Cho đến: ba vạch dương, bốn vạch dương, năm vạch dương cũng đều y như vậy. Vận âm thì cũng y như thế.

Bên trái là những quẻ dương, trước phải tiên dương-hỏa, để phục lại khí tiên-thiên.

Bên hữu là những quẻ âm, sau phải vận âm phù để nuôi lớn khí tiên thiên.

Nhờ trước “phục lại”, kế sau “nuôi lớn”, mà khí tiên-thiên đoàn kết, tánh mạng vững-vàng, thì công-phu hữu-vi và vô-vi của Đạo Kim-đơn đã trọn xong rồi.

Cái bản-đồ này làm biểu-lý (tuồng trong, tuồng trong) với bản-đồ trước. Cái bản-đồ trước chỉ công-phu theo hỏa-hậu, còn cái bản-đồ này chỉ thứ tự của hỏa-hậu.

Dụng công cho y thứ tự, ý thứ tự mà dụng công, mỗi bước chơn đạp lên đất chắc (căn cứ trên Chơn-ly) mà đi tới, tự nhiên sẽ đặng thêm nhiều lợi ích. Vậy mới là tránh khỏi cái sai mảy lông, lạc xa ngàn dặm.

CHUNG

